

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

PHẠM THỊ HUỆ

**TRÌNH TỰ THỦ TỤC THANH LÝ TÀI SẢN PHÁ SẢN
THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM HIỆN NAY**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI, 2017

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

PHẠM THỊ HUỆ

**TRÌNH TỰ THỦ TỤC THANH LÝ TÀI SẢN PHÁ SẢN
THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM HIỆN NAY**

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 60.38.01.07

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC
PGS.TS. BÙI NGUYỄN KHÁNH**

HÀ NỘI, 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nghiên cứu nêu trong Luận văn là trung thực và tôi xin chịu trách nhiệm về tất cả những số liệu và kết quả nghiên cứu đó. Luận văn này chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2017

Phạm Thị Huệ

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành được luận văn này, trước tiên tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Ban Giám đốc Học viện Khoa học xã hội, Khoa Luật và quý thầy, cô trong Học viện Khoa học xã hội đã tận tình hướng dẫn, giúp đỡ, truyền đạt những kiến thức mới về chuyên ngành Luật học và tạo điều kiện cho tôi trong suốt quá trình học tập, nghiên cứu khoa học tại Học viện.

Đặc biệt, tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc nhất đến Thầy giáo **PGS.TS. Bùi Nguyên Khánh**, một người thầy chân thành, trách nhiệm đã hướng dẫn tôi với tất cả lòng nhiệt tình của người thầy giáo trong suốt quá trình nghiên cứu và viết luận văn.

Xin chân thành cảm ơn cơ quan nơi tôi công tác, đồng nghiệp, bạn bè, người thân và gia đình đã tạo điều kiện thuận lợi giúp đỡ tôi trong suốt quá trình nghiên cứu và hoàn thành luận văn này.

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2017

Phạm Thị Huệ

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1 MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ PHÁ SẢN VÀ THỦ TỤC THANH LÝ TÀI SẢN PHÁ SẢN.....	9
1.1. Khái niệm phá sản, mất khả năng thanh toán, thủ tục phá sản	9
1.2. Sơ lược sự hình thành và phát triển của quy định về thủ tục thanh lý tài sản phá sản ở Việt Nam.....	18
1.3. Mối quan hệ giữa thủ tục thanh lý tài sản với các thủ tục khác trong giải quyết phá sản.....	22
CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THANH LÝ TÀI SẢN PHÁ SẢN.....	27
2.1. Thực trạng các quy định của pháp luật về thanh lý tài sản phá sản của doanh nghiệp, hợp tác xã.....	27
2.2. Thực trạng các quy định của pháp luật về thanh lý tài sản phá sản đối với các tổ chức tín dụng	40
2.3. Quản tài viên, Doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản.....	43
2.4. Thực trạng thực hiện các quy định của pháp luật về thanh lý tài sản phá sản.....	56
2.5. Hạn chế, bất cập liên quan đến thanh lý tài sản phá sản.....	62
CHƯƠNG 3 PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ THANH LÝ TÀI SẢN PHÁ SẢN	70
3.1. Phương hướng hoàn thiện các quy định của pháp luật về thanh lý tài sản phá sản.....	70
3.2. Các giải pháp cụ thể nhằm hoàn thiện pháp luật về thanh lý tài sản phá sản.....	72
KẾT LUẬN.....	80
TÀI LIỆU THAM KHẢO	83

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

DNQLTLTS	: Doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản
Đ.	: Điều(dùng trong trích dẫn tài liệu)
HTX	: Hợp tác xã
k.	: Khoản (dùng trong trích dẫn tài liệu)
LPS	: Luật phá sản
LTHADS	: Luật thi hành án dân sự
NĐ	: Nghị định
NQ	: Nghị quyết
OECD	: Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế
TCTD	: Tổ chức tín dụng

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Phá sản là hiện tượng phổ biến, là hệ quả tất yếu của quá trình cạnh tranh giữa các chủ thể kinh doanh trong nền kinh tế thị trường. Nó là sản phẩm của quá trình cạnh tranh, chọn lọc và đào thải tự nhiên của nền kinh tế thị trường, bất kể đó là nền kinh tế thị trường phát triển ở các nước trên thế giới hay nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Khi không thể cạnh tranh, các chủ thể kinh doanh sẽ chấm dứt hoạt động thông qua thủ tục giải thể hoặc phá sản, kéo theo đó là những hậu quả kinh tế - xã hội nhất định, ảnh hưởng không chỉ đến bản thân doanh nghiệp, những người lao động trong doanh nghiệp mà còn tác động lớn đến các chủ thể khác là chủ nợ, đối tác, các thành viên khác trong nền kinh tế tùy vào mô hình của doanh nghiệp đó. Việc giải quyết hậu quả của tình trạng đó là nhiệm vụ của bất kỳ quốc gia nào. Nhà nước can thiệp bằng các chế định pháp luật phù hợp nhằm đảm bảo một môi trường kinh doanh lành mạnh cho các chủ thể tham gia kinh doanh, tạo điều kiện cho những doanh nghiệp thua lỗ, không có khả năng thanh toán phục hồi hoạt động kinh doanh hoặc rút khỏi thị trường một cách hợp pháp, tối đa hóa cho việc thu hồi tài sản cho chủ nợ, đồng thời tạo ra những cơ hội thực tiễn cho việc duy trì hoặc tổ chức lại hoạt động của doanh nghiệp.

Luật Phá sản năm 2004 ra đời đánh dấu một bước phát triển quan trọng trong việc bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích chính đáng của nhà nước, doanh nghiệp. Trong đó các quy định về quản lý và xử lý tài sản phá sản đã có những sửa đổi, bổ sung cơ bản nhằm khắc phục những hạn chế của Luật Phá sản doanh nghiệp 1993 và tiếp thu có chọn lọc pháp luật phá sản của một số nước trên thế giới. Tuy nhiên, theo tổng kết thi hành Luật Phá sản 2004 thấy rằng Luật đã bộc lộ những hạn chế, tác động tiêu cực đến việc thúc đẩy sự phát triển kinh doanh

của DN, HTX. Có những quy định của Luật Phá sản 2004 chưa tương thích với các văn bản quy phạm pháp luật khác, có những quy định không còn phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội dẫn đến hiệu quả áp dụng quy định của Luật phá sản vào thực tiễn không cao, gây ra khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp khi muốn rút lui khỏi thị trường một cách có trật tự và hợp pháp.

Mặt khác, sau khi LPS 2004 ra đời, ngày 24/5/2005 Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 48-NQ/TW về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020, trong đó có các nội dung về xây dựng và hoàn thiện pháp luật về sở hữu, quyền tự do kinh doanh. Thực hiện tinh thần Nghị quyết 48/NQ-TW và xuất phát từ những hạn chế, bất cập của LPS 2004, ngày 19/6/2014 Quốc hội đã thông qua Luật Phá sản 2014. Luật này có hiệu lực từ ngày 1/1/2015 thay thế cho Luật phá sản 2004. Theo đó, Luật Phá sản 2014 gồm 14 chương, 133 điều, so với Luật Phá sản 2004 thì Luật phá sản 2014 có nhiều nội dung trong đó liên quan đến thanh lý tài sản phá sản có 02 điểm mới quan trọng sau:

Một là, Luật Phá sản 2014 đã bỏ chế định Tổ quản lý, thanh lý tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản mà thay vào đó Luật đã bổ sung quy định về hoạt động của Quản tài viên và Doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản. Như vậy, Luật Phá sản 2014 đã mở ra một nghề mới đó là nghề quản lý, thanh lý tài sản phá sản của Quản tài viên và Doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản.

Hai là, trình tự thủ tục phá sản theo Luật Phá sản 2014 đã có sự thay đổi so với Luật Phá sản 2004, theo đó việc tuyên bố phá sản của Tòa án được thực hiện trước thủ tục thanh lý tài sản. Tức là sau khi Tòa án ra quyết định tuyên bố phá sản thì cơ quan thi hành án dân sự mới ban hành Quyết định thi hành án và Chấp hành viên có văn bản yêu cầu Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thực hiện việc thanh lý tài sản.

Với các quy định mới của Luật Phá sản 2014 đã khắc phục những bất cập hạn chế về thủ tục giải quyết các vụ việc phá sản của Luật Phá sản 2004 đồng thời tạo hành lang pháp lý để Tòa án giải quyết nhanh việc phá sản của các doanh nghiệp lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán. Trong giới hạn luận văn này, tác giả lựa chọn đề tài ***“Trình tự thủ tục thanh lý tài sản phá sản theo pháp luật Việt Nam hiện nay”*** để nghiên cứu sâu hơn các vấn đề lý luận pháp lý và thực tiễn thực thi pháp luật phá sản, trong đó đặc biệt là các quy định về thủ tục thanh lý tài sản phá sản. Qua đó phân nào làm rõ những hạn chế bất cập và có những giải pháp để nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định về thủ tục thanh lý tài sản phá sản trong thời gian tới.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Trong thời gian vừa qua, đã có nhiều công trình khoa học nghiên cứu về vấn đề phá sản nói chung và quản lý, thanh lý tài sản phá sản nói riêng. Các nghiên cứu đó đã có những đóng góp quan trọng cho sự phát triển của nền khoa học pháp lý và có những đóng góp to lớn trong việc hoàn thiện pháp luật phá sản ở Việt Nam. Có thể kể đến các công trình quan trọng như:

- *“Luật Phá sản doanh nghiệp Việt Nam dưới góc độ luật so sánh và phương hướng hoàn thiện”*, luận án tiến sĩ luật học của tác giả Trương Hồng Hải bảo vệ năm 2004 tại Trường Đại học Luật Hà Nội;

- *“Thực trạng phá sản doanh nghiệp và giải pháp hoàn thiện pháp luật phá sản doanh nghiệp ở Việt Nam”*, đề tài khoa học cấp Bộ năm 2004 của tác giả Nguyễn Kim Anh, chuyên viên Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương;

- *“Xử lý tài sản của doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản theo Luật Phá sản 2004”*, luận văn thạc sĩ luật học của tác giả Nguyễn Kim Chi bảo vệ năm 2005;

- “*Quản lý phân chia tài sản phá sản theo pháp luật phá sản Việt Nam*”, luận văn thạc sĩ luật học của tác giả Lê Văn Hùng bảo vệ năm 2011 tại Học viện Khoa học Xã hội;

- “*Nghĩa vụ về tài sản của doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản theo pháp luật phá sản ở Việt Nam*”, luận văn thạc sĩ luật học của tác giả Nguyễn Huy Trung bảo vệ năm 2014 tại Học viện Khoa học Xã hội;

- “*Pháp luật phá sản tại Việt Nam một số vấn đề lý luận và thực tiễn*”, đặc san tuyên truyền pháp luật của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật trung ương.

Mặc dù các công trình nghiên cứu của các tác giả nêu trên đã nêu khái quát được về pháp luật phá sản hoặc nghiên cứu vấn đề bảo đảm quyền lợi cho chủ nợ. Tuy nhiên, từ khi LPS 2014 ra đời đến nay chưa có một công trình nào đi sâu nghiên cứu một cách có hệ thống và toàn diện về vấn đề thanh lý tài sản phá sản, một trong những điểm mới cơ bản của LPS 2014. Trong một giới hạn nhất định, các công trình nêu trên đã đưa ra những vấn đề về cơ sở lý luận và thực tiễn, giúp cho tác giả học hỏi, kế thừa những nghiên cứu khoa học đó để góp phần xây dựng và hoàn thiện luận văn này.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích của Luận văn nghiên cứu làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về trình tự, thủ tục thanh lý tài sản theo pháp luật; phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật về trình tự, thủ tục thanh lý tài sản phá sản ở Việt Nam hiện nay và qua đó đề xuất các phương hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật về pháp luật về trình tự, thủ tục thanh lý tài sản phá sản ở Việt Nam trong thời gian tới.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để thực hiện được các mục đích trên, nhiệm vụ nghiên cứu của luận văn đó là:

- Nghiên cứu, làm rõ những vấn đề lý luận về phá sản và thủ tục thanh lý tài sản phá sản theo pháp luật;
- Phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật về trình tự, thủ tục thanh lý tài sản phá sản ở Việt Nam hiện nay;
- Phân tích, đánh giá những thành công và hạn chế, tính tương thích và mức độ phù hợp của các quy định trong pháp luật Việt Nam về thủ tục thanh lý tài sản phá sản;
- Làm rõ những kinh nghiệm điều chỉnh pháp luật về thủ tục thanh lý tài sản ở một số quốc gia trên thế giới, từ đó tham khảo cho việc hoàn thiện pháp luật ở Việt Nam trong việc thanh lý tài sản phá sản;
- Đề xuất những phương hướng và giải pháp hoàn thiện về xây dựng pháp luật về thanh lý tài sản phá sản tại Việt Nam.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Trong phạm vi đề tài này nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn về pháp luật phá sản của Việt Nam và hệ thống các quy định của pháp luật về chế định này bao gồm Luật phá sản, Bộ luật dân sự, Luật doanh nghiệp, Luật đất đai, Luật thi hành án dân sự, Luật các tổ chức tín dụng và các văn bản qui phạm pháp luật hướng dẫn thi hành. Trong đó đặc biệt chú trọng nghiên cứu đến các quy định của pháp luật về vấn đề trình tự, thủ tục thanh lý tài sản phá sản, thực trạng áp dụng các quy định của pháp luật về vấn đề này trên thực tế kể từ khi LPS 2014 có hiệu lực.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Đề tài chỉ tập trung nghiên cứu các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục thanh lý tài sản phá sản của doanh nghiệp phá sản (bao gồm doanh nghiệp, hợp tác xã và các tổ chức tín dụng); các vấn đề cơ bản về Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản; những khó khăn vướng mắc khi

áp dụng các quy định pháp luật về vấn đề này trên thực tế, từ đó chỉ ra một số các định hướng hoàn thiện pháp luật. Trong phạm vi nghiên cứu của đề tài này, tác giả không đi sâu vào việc nghiên cứu toàn bộ các nội dung về pháp luật phá sản nói chung, mà chỉ tập trung nghiên cứu các về đề về thanh lý tài sản phá sản và các quy định pháp luật về Luật phá sản, và các văn bản hướng dẫn thi hành liên quan đến vấn đề này.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Luận văn được tác giả thực hiện trên cơ sở nền tảng lý luận của Chủ nghĩa duy vật biện chứng, Chủ nghĩa duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác-Lênin, các quan điểm của Đảng và Nhà nước trong sự nghiệp đổi mới nhằm xây dựng và phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Ngoài ra, tác giả cũng đặc biệt sử dụng các phương pháp nghiên cứu truyền thống trong khoa học pháp lý như phương pháp phân tích, phương pháp so sánh, phương pháp đối chiếu, chứng minh, diễn giải... để làm sáng tỏ các nội dung lý luận và thực tiễn thực hiện các quy định của pháp luật, chỉ ra những mâu thuẫn giữa các văn bản quy phạm pháp luật khác nhau để giải quyết những vấn đề cơ bản của đề tài. Đồng thời, tác giả còn tham khảo những tài liệu pháp luật về phá sản của một số quốc gia khác, từ đó có sự so sánh, đối chiếu và rút ra được những kinh nghiệm, những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng quy định của pháp luật hiện hành về thủ tục thanh lý tài sản phá sản.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Luận văn là công trình khoa học nghiên cứu một cách cụ thể, có hệ thống những vấn đề quan trọng trong quá trình thanh lý tài sản phá sản dưới góc độ quy định pháp luật về phá sản ở Việt Nam. Trong khi LPS 2014 đang được thực thi một cách có hiệu quả trên thực tế nhưng cũng cần có những

ngiên cứu, phân tích nhằm hoàn thiện và phát huy hơn nữa để đảm bảo tính khả thi của LPS. Luận án đã nghiên cứu sâu, bổ sung vào hệ thống lý luận của khoa học luật phá sản bao gồm: khái niệm thủ tục phá sản, khái niệm mất khả năng thanh toán và thủ tục phá sản. Đồng thời chỉ ra được lịch sử phát triển của pháp luật phá sản nói chung và các quy định về thủ tục thanh lý tài sản phá sản nói riêng. Qua đó nêu lên được vai trò, tầm quan trọng của thủ tục thanh lý tài sản trong giải quyết một vụ việc phá sản.

Trong phạm vi nghiên cứu của luận văn, tác giả đã đi sâu phân tích và làm rõ bản chất pháp lý của việc áp dụng thủ tục thanh lý tài sản phá sản trong quá trình xử lý phá sản của doanh nghiệp, xác định các nghĩa vụ tài sản phát sinh sau khi tòa án ra quyết định tuyên bố doanh nghiệp phá sản trên cơ sở áp dụng các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan đến vấn đề này. Từ đó lý giải cách thức xử lý các nghĩa vụ về tài sản của doanh nghiệp phá sản, các hậu quả pháp lý phát sinh. Qua đó góp phần giải quyết đúng đắn và giảm thiểu các tranh chấp phát sinh có liên quan đến việc xử lý tài sản phá sản. Đồng thời cũng khẳng định được phá sản là hoạt động bình thường đối với một doanh nghiệp khi hoạt động kinh doanh trong nền kinh tế thị trường.

Trên cơ sở phân tích những nội dung của pháp luật về trình tự, thủ tục thanh lý tài sản phá sản, tác giả cũng chỉ ra được tính khả thi của các quy định, một số bất cập trong quá trình áp dụng pháp luật phá sản trên thực tiễn, đưa ra một số đề xuất, kiến nghị, phương hướng và giải pháp sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện các quy định của pháp luật Việt Nam về vấn đề này. Những kiến nghị cụ thể của tác giả Luận văn sẽ là cơ sở khoa học cho việc tiếp tục xây dựng và hoàn thiện pháp luật về phá sản, thanh lý tài sản phá sản, góp phần tăng cường hiệu quả điều chỉnh của pháp luật phá sản đối với doanh nghiệp, hợp tác xã trong điều kiện kinh tế thị trường ở Việt Nam, góp phần vào sự ổn định của nền kinh tế nói chung.

Về mặt thực tiễn, kết quả nghiên cứu của Luận văn chỉ ra những hạn chế trong thủ tục thanh lý tài sản ở Việt Nam, từ đó kiến nghị hoàn thiện pháp luật về vấn đề này.

Về mặt khoa học, tác giả hy vọng những nghiên cứu trong luận văn sẽ là một tài liệu tham khảo ý nghĩa cho những người nghiên cứu, học tập và đặc biệt là những người làm công tác thực tiễn liên quan đến vấn đề phá sản doanh nghiệp.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, mục lục, danh mục tài liệu tham khảo, luận văn được bố cục thành 03 Chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận cơ bản về phá sản và thủ tục thanh lý tài sản phá sản

Chương 2: Thực trạng pháp luật về trình tự, thủ tục thanh lý tài sản phá sản ở Việt Nam hiện nay

Chương 3: Phương hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật về trình tự, thủ tục thanh lý tài sản phá sản.

CHƯƠNG 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ PHÁ SẢN VÀ THỦ TỤC THANH LÝ TÀI SẢN PHÁ SẢN

1.1. Khái niệm phá sản, mất khả năng thanh toán, thủ tục phá sản

1.1.1. Khái niệm phá sản

Hiện tượng phá sản đã có từ xa xưa. Khi con người biết mua bán, vay mượn, trao đổi hàng hóa thì cũng xuất hiện tình trạng không trả được nợ, phương cách giải quyết tình trạng này bởi vậy cũng đã rất cổ xưa như chính lịch sử sinh hoạt kinh tế của các tộc người [45, tr.444]. Và khi xã hội chuyển sang thời kì tư bản chủ nghĩa, sản xuất công nghiệp phát triển, hàng hóa phong phú, dồi dào thì các hoạt động kinh doanh thương mại cũng trở nên sôi động hơn, sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt hơn, kéo theo đó là hiện tượng “vỡ nợ” hay “phá sản” cũng ngày càng xuất hiện phổ biến hơn.

Pháp luật của các nước quy định về đối tượng có thể bị tuyên bố phá sản rất khác nhau, ở một số nước, thủ tục tuyên bố phá sản có thể được áp dụng đối với tất cả những người mắc nợ mà không phân biệt cá nhân hay pháp nhân và cũng không phân biệt thương nhân hay không là thương nhân, không phân biệt là nợ dân sự hay là nợ thương mại (chẳng hạn Hoa Kỳ, Nhật,...). Một số nước lại chỉ xem thương nhân với các khoản nợ thương mại mới là đối tượng có thể bị tuyên bố phá sản (chẳng hạn là pháp luật của Nga trước khi ban hành Luật mất khả năng thanh toán năm 2002). Một số nước lại quy định chỉ doanh nghiệp mới là đối tượng có thể bị tuyên bố phá sản.[59, tr.598]. Đối với các nước trên thế giới, phá sản là hiện tượng bình thường của nền kinh tế. Theo Viện nghiên cứu về phá sản Hoa Kỳ, mỗi năm có hơn nửa triệu công dân, doanh nghiệp Hoa Kỳ nộp đơn phá sản. Dù không phải cách lựa chọn tốt nhất, nhưng đây có thể là cách thức lý tưởng để doanh nghiệp thoát khỏi những khoản nợ nần đang vây chặt. Điều nay cho thấy pháp luật

phá sản của Hoa Kỳ đã phục vụ cho sự phát triển kinh tế, đáp ứng được nhu cầu của doanh nhân khi họ thanh gia thị trường. Không giống như ở nhiều quốc gia khác, thất bại trong kinh doanh ở Hoa Kỳ không bị coi là xấu, trên thực tế luật phá sản Hoa Kỳ được xây dựng để sao cho những người thất bại trong kinh doanh lại được khuyến khích tiếp tục theo đuổi công việc kinh doanh của mình.

Thuật ngữ “ phá sản” được sử dụng phổ biến trong ngôn ngữ hàng ngày và trong khoa học pháp lý. Nhưng trước khi LPS 2014 ra đời thì trong các văn bản pháp luật về phá sản chưa có giải thích ý nghĩa của thuật ngữ này mà lại dùng thuật ngữ “tình trạng phá sản” để giải thích trường hợp một doanh nghiệp không trả được các món nợ đến hạn hoặc không còn khả năng vốn để tiếp tục duy trì hoạt động. Theo Luật phá sản doanh nghiệp 1993 thì doanh nghiệp bị coi là đang lâm vào “tình trạng phá sản” là doanh nghiệp gặp khó khăn tài chính hoặc bị thua lỗ trong hoạt động kinh doanh sau khi áp dụng các biện pháp tài chính cần thiết mà vẫn mất khả năng thanh toán nợ đến hạn. Tuy nhiên khái niệm này vẫn mang tính chất khái quát, chưa sát với bản chất của hiện tượng phá sản trên thực tế.

Đến khi Luật phá sản 2004 ra đời thì khái niệm phá sản đã được sửa đổi rõ nghĩa hơn. Theo đó doanh nghiệp bị coi lâm vào tình trạng phá sản khi không có khả năng thanh toán được các khoản nợ đến hạn khi chủ nợ có yêu cầu. Theo đó doanh nghiệp, hợp tác xã bị coi là lâm vào tình trạng phá sản khi có ba dấu hiệu: Có khoản nợ đến hạn, chủ nợ đã yêu cầu và doanh nghiệp mắc nợ không có khả năng thanh toán[57, tr. 20].

Từ điển Luật học định nghĩa phá sản là tình trạng một chủ thể (cá nhân, pháp nhân) mất khả năng thanh toán nợ đến hạn [59, tr. 597-599]. Như vậy, theo quan điểm này thì khái niệm phá sản chỉ mới xác định được một tình trạng có thể xảy ra đối với các chủ thể bị lâm vào tình trạng mất khả năng

thanh toán. Nói cách khác, “phá sản” được hiểu tương đương với “mất khả năng thanh toán”.

Hiện nay thuật ngữ phá sản đã được sử dụng rộng rãi trong cả khoa học pháp lý và cả trong đời sống thực tế. LPS 2014 ra đời đã giải thích đầy đủ và rõ nghĩa thuật ngữ này. Tại khoản 2 Điều 4 LPS 2014 quy định “*Phá sản là tình trạng của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán và bị Tòa án nhân dân ra quyết định tuyên bố phá sản*”. Theo đó phá sản được xem xét dưới hai góc độ:

- Dưới góc độ kinh tế:

Thuật ngữ “phá sản” bắt nguồn từ chữ “ruin” trong tiếng La tinh, có nghĩa là “sự khánh tận”. Khái niệm này dùng để chỉ sự mất cân đối giữa thu và chi của chủ thể kinh doanh mà biểu hiện trực tiếp của sự mất cân đối ấy là tình trạng mất khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn.

Như vậy, khi nói đến một chủ thể kinh doanh bị phá sản, xem xét dưới góc độ kinh tế, có thể hiểu rằng chủ thể kinh doanh đó đã làm ăn thua lỗ, tạo ra những khoản nợ mà không thể chi trả được. Chủ thể đó đã lâm vào tình trạng tài chính không thể giải quyết được để có thể tiếp tục đứng vững trên thương trường. Đối với một cá nhân, tình trạng này còn gọi là “vỡ nợ”, tức là cá nhân đó không thể trả được các khoản nợ mà mình đã tạo ra.

Tuy nhiên, sự tác động của phá sản không phải bao giờ cũng mang ý nghĩa tiêu cực. Xét về mặt kinh tế, bản thân phá sản là một giải pháp hữu hiệu trong việc “cơ cấu” lại nền kinh tế, góp phần duy trì sự tồn tại của những doanh nghiệp đủ sức đứng vững trong điều kiện cạnh tranh ngày càng nghiệt ngã.

- Dưới góc độ pháp lý:

Phá sản được nhìn nhận là một trình tự, thủ tục tố tụng. Đó là toàn bộ các giai đoạn của việc giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản đối với chủ thể

mắc nợ. Hay nói cách khác, trình tự, thủ tục giải quyết phá sản tương tự như trình tự, thủ tục khởi kiện tại Tòa án, vì phải tuân thủ đầy đủ, chặt chẽ các bước, các giai đoạn để giải quyết một vụ việc. Ở đây, chủ thể kinh doanh sẽ có thể được phục hồi hoạt động kinh doanh hoặc chấm dứt hoạt động kinh doanh, tùy thuộc vào tình trạng tài chính và yêu cầu của chủ nợ [13, tr.279].

Như vậy, khái niệm phá sản theo LPS 2014 được hiểu dưới cả hai góc độ kinh tế (mất khả năng thanh toán) và pháp lý(được thực hiện thông qua thủ tục phá sản và bị Tòa án nhân dân ra quyết định tuyên bố phá sản). Một DN, HTX mất khả năng thanh toán các khoản nợ không bảo đảm và đã đến hạn thì DN, HTX đó chưa chắc đã bị phá sản và cũng chưa gọi là DN, HTX phá sản. Chỉ khi trải qua thủ tục giải quyết vụ việc phá sản và bị Tòa án nhân dân ra quyết định phá sản, DN, HTX đó mới chính thức bị phá sản.

Về bản chất, phá sản xuất phát từ tình trạng mất khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn phải trả của con nợ có liên quan. Do đó, nó tạo nên nghĩa vụ của con nợ và quyền truy đòi nợ của các chủ nợ. Để giải quyết tình trạng này, giữa chủ nợ và con nợ đã cùng nhau tìm ra những phương thức giải quyết khác nhau: hoặc là tự giải quyết thông qua thương lượng, đàm phán, hoặc là với sự giúp đỡ của một cá nhân hoặc tập thể nào đó, đôi khi là chính quyền địa phương nơi con nợ cư trú hay nơi con nợ tiến hành các hoạt động kinh doanh. Quá trình giải quyết “phá sản”, đảm bảo nghĩa vụ của chủ nợ và “giải thoát” trách nhiệm cho con nợ yêu cầu phải có sự can thiệp của pháp luật để hài hòa lợi ích của cả hai. Phá sản có một số đặc điểm nhất định:

Một là, phá sản là một thủ tục đòi nợ tập thể. Theo đó tất cả các chủ nợ liên kết với nhau để giải quyết vấn đề công nợ của những con nợ, vốn là các chủ thể rơi vào trạng thái phá sản, thất bại trong việc hoàn lại các khoản vay. Các chủ thể này có thể vẫn còn tài sản để thanh lý bù đắp cho các khoản vay nhưng cá biệt có những chủ thể không còn tài sản gì để bù đắp. Sở dĩ nói phá

sản là một thủ tục đòi nợ tập thể vì các chủ nợ của doanh nghiệp mất khả năng thanh toán, trong quá trình giải quyết vụ việc phá sản, không tự xé lẻ ra để đòi nợ riêng. Họ cùng tham gia vào một thiết chế chung để tiến hành đòi nợ hay đảm bảo quyền lợi của mình, gọi là hội nghị chủ nợ . Ngoài ra, khi giải quyết vấn đề phá sản của doanh nghiệp, thì toàn bộ tài sản của doanh nghiệp đó được bán thanh lý, đưa vào quỹ chung và trả cho các chủ nợ theo một thứ tự ưu tiên nhất định mà luật phá sản quy định. Do vậy, trong bất cứ trường hợp nào, phá sản cũng là một thủ tục mang tính tập thể cao.

Hai là, phá sản không chỉ nhằm đến mục đích đòi nợ mà còn chú trọng đến việc giúp đỡ để con nợ có thể phục hồi hoạt động kinh doanh. Xu hướng chung của pháp luật phá sản trên thế giới là chú trọng giải quyết hai vấn đề cơ bản: phục hồi hoạt động kinh doanh của DN mất khả năng thanh toán và thanh lý tài sản của DN phá sản để bù đắp các khoản nợ.

Phục hồi hoạt động kinh doanh của DN mất khả năng thanh toán là thủ tục rất quan trọng, nhằm tạo điều kiện thuận lợi hết sức để giúp DN đó thoát khỏi tình trạng khó khăn, cải thiện được tình trạng nợ nần và từng bước thoát khỏi thảm cảnh phá sản. Thực tế thì bất kỳ nhà nước nào cũng quan tâm đến việc phục hồi hoạt động DN bởi suy cho cùng DN thoát khỏi tình trạng phá sản thì quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ nợ mới không bị đe dọa, môi trường đầu tư, kinh doanh của nhà nước vì thế mà cũng được cải thiện.

Ba là, kết thúc thủ tục phá sản thường là sự chấm dứt tồn tại của một chủ thể kinh doanh. Phá sản là một thủ tục đòi nợ đặc biệt, theo đó các chủ nợ và người có quyền, nghĩa vụ liên quan tiến hành thủ tục tổng tụng tư pháp để yêu cầu tòa án can thiệp nhằm thu hồi các khoản nợ của mình. Có những trường hợp DN phục hồi các hoạt động kinh doanh một cách thành công nhưng nhìn chung hậu quả pháp lý của phá sản là các DN liên quan bị chấm

dứt tồn tại, toàn bộ tài sản của DN đó bị thanh lý để trả cho các chủ nợ. Trong trường hợp này, phá sản có ý nghĩa khá tiêu cực.

Bốn là, thủ tục phá sản là một thủ tục pháp lý có tính chất tổng hợp và khá phức tạp. Điều này thể hiện ở việc tòa án phải tham gia vào hầu hết các thủ tục giải quyết phá sản, từ ra quyết định mở thủ tục phá sản đến giám sát hoạt động của các doanh nghiệp mất khả năng thanh toán, rà soát, xem xét phương án phục hồi hoạt động kinh doanh, xử lý tài sản của doanh nghiệp có tranh chấp.

LPS năm 2014 ra đời đánh dấu bước phát triển quan trọng trong việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật ở Việt Nam, đã tạo ra hành lang pháp lý quan trọng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ nợ và doanh nghiệp mất khả năng thanh toán.

1.1.2. Mất khả năng thanh toán

Về mặt pháp lý, một doanh nghiệp sau khi được đăng ký kinh doanh là có tư cách của một chủ thể kinh doanh để thực hiện các hoạt động kinh doanh trên thị trường. Khi doanh nghiệp đó mất khả năng thanh toán sẽ là căn cứ để Tòa án ra quyết định mở thủ tục phá sản. Quyết định này của Tòa án phát sinh hậu quả về nhiều mặt đến con nợ, vai trò của doanh nghiệp trên thương trường, đồng thời hạn chế quyền quản lý tài sản và quyền tự chủ trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp đó. Chính vì vậy, xác định “mất khả năng thanh toán” có ý nghĩa quan trọng bởi nếu không đưa ra căn cứ xác định hợp lý sẽ gây ra những thiệt hại cho không chỉ doanh nghiệp mà còn ảnh hưởng đến các chủ nợ và nền kinh tế nói chung.

Theo khoản 1 điều 4 Luật phá sản 2014 “*Doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán là doanh nghiệp, hợp tác xã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày đến hạn thanh toán*”.

Như vậy, dấu hiệu xác định DN, HTX mất khả năng thanh toán là DN, HTX không thanh toán được các khoản nợ đến hạn. Theo đó:

Một là: Khoản nợ đến hạn mà DN, HTX không thanh toán được là khoản nợ không có bảo đảm. Theo Luật phá sản 2014, DN, HTX có 02 loại nợ là nợ có bảo đảm và nợ không có bảo đảm. Và có 03 chủ nợ là: chủ nợ có bảo đảm, chủ nợ có bảo đảm một phần, và chủ nợ không có bảo đảm. Nhưng chỉ khi DN, HTX không thanh toán được các khoản nợ không có bảo đảm và bị chủ nợ không có bảo đảm, chủ nợ có bảo đảm một phần đòi, thì mới xác định DN, HTX mất khả năng thanh toán.

Hai là: DN, HTX mất khả năng thanh toán không có nghĩa là DN, HTX không còn tài sản để trả nợ. DN, HTX có thể còn nhiều tài sản, nhưng tài sản đó không thể bán đi để trả nợ, vì nếu bán đi cũng đồng nghĩa với việc DN, HTX bị phá sản vì không thể hoạt động được nữa.

Ba là: DN, HTX mất khả năng thanh toán một khoản nợ là bao nhiêu thì bị coi là lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán. Luật phá sản 2014 không đưa ra dấu hiệu khoản nợ đó là ít hay nhiều, mà chỉ căn cứ vào khả năng trả nợ của DN, HTX vào thời điểm chủ nợ yêu cầu.

Bốn là: DN, HTX mất khả năng thanh toán nợ nào thì coi là mất khả năng thanh toán. Đối với các DN, HTX là pháp nhân như công ty hợp danh, công ty cổ phần..., các khoản nợ mà DN, HTX tạo ra đều là các khoản nợ trong kinh doanh, và khi DN, HTX mất khả năng thanh toán các khoản nợ đó thì coi là mất khả năng thanh toán. Còn đối với doanh nghiệp tư nhân, khoản nợ mà chủ DN tạo ra bao gồm cả nợ phát sinh trong hoạt động kinh doanh và nợ không phát sinh từ hoạt động kinh doanh (nợ dân sự). Tuy nhiên, khi xác định DN tư nhân mất khả năng thanh toán cũng chỉ căn cứ vào việc DN không thanh toán được các khoản nợ trong kinh doanh mà thôi.

Năm là: DN, HTX mất khả năng thanh toán nợ trong thời gian là 03 tháng thì bị coi là mất khả năng thanh toán.

Mất khả năng thanh toán là tình trạng có thể xảy ra đối với bất kỳ doanh nghiệp nào. Khi doanh nghiệp rơi vào tình trạng mất khả năng thanh toán thì thủ tục phá sản có thể sẽ được tiến hành.

1.1.3. Thủ tục phá sản

Thủ tục phá sản được hiểu là trình tự từng bước tiến hành giải quyết việc phá sản theo quy định của pháp luật. Thủ tục phá sản không nhất thiết buộc phải giao cho tòa án phụ trách. Bởi vậy, ngoài nguyên tắc chung phá sản là một thủ tục tư pháp, trong nhiều trường hợp đặc biệt, ví dụ đối với ngân hàng thương mại, công ty chứng khoán, công ty bảo hiểm... việc giải quyết phá sản có thể bao gồm nhiều thủ tục hành chính. Việc lựa chọn giải quyết phá sản theo thủ tục nào tùy thuộc vào điều kiện và truyền thống của mỗi quốc gia.

Bản chất của thủ tục phá sản : Tiếp cận dưới góc độ chủ nợ, thủ tục phá sản có bản chất là một thủ tục đòi nợ tập thể. Tiếp cận dưới góc độ thanh toán nợ, thủ tục phá sản là một thủ tục giải quyết tình trạng mất khả năng thanh toán.

Một là, thủ tục phá sản có bản chất là một thủ tục đòi nợ đặc biệt:

Trong quá trình thực hiện hoạt động kinh doanh, các doanh nghiệp tiến hành các hoạt động trao đổi, mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ đã xuất hiện các hình thức mua chậm, trả dần hoặc vay mượn với những cam kết sẽ hoàn trả theo thời gian. Các khoản vay mượn này có thể được đảm bảo hoặc không được bảo đảm bằng tài sản của doanh nghiệp mắc nợ. Những rủi ro trong kinh doanh có thể đưa đến doanh nghiệp không thanh toán được các khoản nợ. Trong tình huống này, đối với các khoản nợ có bảo đảm thì chủ nợ có quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Trường hợp khoản nợ không có bảo đảm, chủ nợ có thể yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền (tòa án, cơ quan thi hành án) ban hành các quyết định cưỡng chế bán tài sản

của doanh nghiệp để thu hồi nợ. Đây chính là cách đòi nợ thông thường và được tiến hành một cách trực tiếp giữa chủ nợ và doanh nghiệp mắc nợ. Tuy nhiên, nếu doanh nghiệp mắc nợ có nhiều chủ nợ và tài sản còn lại của doanh nghiệp mắc nợ không đủ thanh toán cho tất cả các chủ nợ này thì việc đòi nợ một cách trực tiếp theo cách thức vừa nêu trở nên kém hiệu quả. Như vậy, dưới áp lực của việc hiệu quả kinh tế, luật phá sản hình thành như là một phương thức để các chủ nợ có thể đòi nợ theo một trật tự với chi phí xã hội thấp nhất, hiệu quả nhất. Với mục tiêu tối đa hóa giá trị tài sản còn lại của doanh nghiệp mắc nợ và thanh toán tài sản công bằng giữa các chủ nợ, luật phá sản được hình thành nhằm mục đích giúp cho các chủ nợ đòi nợ từ doanh nghiệp mắc nợ, thông qua vai trò của một thiết chế nhà nước có thẩm quyền (có thể là tòa án hoặc một cơ quan nhà nước đặc biệt) để đòi nợ tập thể. Chính vì vậy, thủ tục phá sản có bản chất là một thủ tục đòi nợ đặc biệt.

Hai là, thủ tục phá sản là một thủ tục giải quyết tình trạng mất khả năng thanh toán:

Ban đầu, luật phá sản đặt mục tiêu đáp ứng nhu cầu đòi nợ của các chủ nợ với chi phí thấp nhất. Vì vậy thủ tục phá sản theo luật phá sản được xem như là một thủ tục đòi nợ đặc biệt. Tương ứng với nó, xét ở khía cạnh các chủ nợ thì đây cũng là cách thanh toán nợ đặc biệt. Tuy nhiên, trong quá trình tìm kiếm giải pháp tối đa hóa giá trị tài sản phá sản và tối ưu hóa khả năng thu hồi nợ cho các chủ nợ, các cuộc đàm phán giữa chủ nợ và các con nợ đã diễn ra. Trong quá trình đó, vấn đề tối đa hóa giá trị kinh tế của các tài sản phá sản đã được đặt ra như là một trong những mục tiêu chính. Tuy vậy, việc định giá các tài sản phá sản trong bối cảnh của vụ việc phá sản đang diễn ra có thể thấp hơn so với giá trị thực do các tâm lý e ngại việc thu mua tài sản phá sản (ví dụ: xem việc mua tài sản phá sản là xui xẻo). Việc thanh lý hàng loạt các tài sản phá sản cùng lúc dẫn đến giá bán thấp hơn so với giá mà những người

mua thông thường có nhu cầu mua đưa ra. Điều này có thể là do "không có hoặc có rất ít người mua tiềm năng bên ngoài với thông tin kịp thời và chính xác về tình trạng thực sự của vấn đề và triển vọng tương lai của doanh nghiệp hoặc khi quá trình tìm kiếm và phát triển người mua bên ngoài, bản thân nó sẽ rất tốn kém"[35]. Trong những trường hợp như vậy, tổ chức lại doanh nghiệp thay vì thanh lý doanh nghiệp mất khả năng thanh toán là cần thiết để giúp các chủ nợ thu được giá trị cao nhất từ các tài sản phá sản. Đối với các chủ nợ, mở thủ tục phá sản vẫn giữ nguyên giá trị là một thủ tục đòi nợ đặc biệt. Chỉ có điều để đòi được nợ, người ta không nhất thiết phải thanh lý tài sản của doanh nghiệp mắc nợ, mà trong rất nhiều trường hợp, việc tái phục hồi doanh nghiệp mắc nợ mà thành công sẽ đạt được hiệu quả đòi nợ tối ưu hơn cho các chủ nợ. Chính vì thế, luật phá sản, đứng ở góc độ của doanh nghiệp mắc nợ đã phát triển theo hướng là luật về giải quyết tình trạng mất khả năng thanh toán cho doanh nghiệp mắc nợ [44].

Như vậy, thủ tục phá sản là một thủ tục pháp lý nhằm giải quyết tình trạng mất khả năng thanh toán. Nếu kết quả giải quyết không thể đưa doanh nghiệp thoát khỏi tình trạng mất khả năng thanh toán thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền (tòa án) sẽ quyết định tuyên bố phá sản doanh nghiệp.

1.2. Sơ lược sự hình thành và phát triển của quy định về thủ tục thanh lý tài sản phá sản ở Việt Nam

Phá sản không phải là sản phẩm chỉ có ở nền kinh tế thị trường, phá sản cũng không phải là sản phẩm đặc thù của xã hội tư bản. Hiện tượng “vỡ nợ”, “phá sản” đã có từ rất lâu. Nhưng với tư cách là một hiện tượng phổ biến thì nó xuất hiện nhiều hơn trong nền kinh tế thị trường. Ở những nước có nền kinh tế thị trường phát triển như các nước Châu Âu hay Hoa Kỳ, hiện tượng này là điều bình thường trong hoạt động kinh doanh, và các nước này đều có

hệ thống pháp luật hoàn chỉnh để xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến phá sản.

Pháp luật phá sản ra đời chịu rất nhiều ảnh hưởng của các yếu tố như tính chất của nền kinh tế, trình độ phát triển của nền kinh tế hay xu thế hội nhập kinh tế quốc tế.

Ở Việt Nam, Bộ luật thương mại Trung phần được ban hành ngày 12/06/1942 theo Dụ số 46 của Bảo Đại là đạo luật thương mại đầu tiên của người Việt Nam, có hiệu lực từ 25/01/1944 và chính thức hết hiệu lực ở miền Nam vào ngày 20/12/1972. Vay mượn pháp luật phá sản của Pháp, đạo luật này phân tách “khánh tận” và “thanh toán tư pháp”, trong đó hai thuật ngữ “phá sản” và “khánh tận” được dùng như đồng nghĩa, áp dụng cho sự ngưng trả nợ của thương nhân (Điều 180). Kèm theo quy chế khánh tận là một số tội danh (Điều 253-255). Kết thúc khánh tận, đạo luật này chỉ dự liệu một giải pháp duy nhất là phát mại sản nghiệp (Điều 224). Người khánh tận ngoài việc bị mất quyền quản trị, tài sản bị niêm phong còn bị tước quyền bầu cử, bị cấm một số hành vi kinh doanh và quản lý, án khánh tận được ghi vào lý lịch tư pháp của người vỡ nợ (Điều 201). Còn “thanh toán tư pháp” là một thủ tục mang tính khoan hồng so với người vỡ nợ ngay tình. Khi lâm vào tình trạng không trả được nợ, con nợ ngay tình có thể nộp đơn yêu cầu thụ lý án thanh toán tư pháp. Theo đó mà người mắc nợ có thể được hưởng một vài quy chế giảm nhẹ như không bị bắt giam, không bị mất quyền quản trị và được tiếp tục chiếm giữ và quản lý sản nghiệp dưới sự giám sát của kiểm soát viên do tòa án ấn định...(Điều 240).

Năm 1972, Luật thương mại được chính quyền Việt Nam Cộng hòa ban hành vào ngày 20/12/1972. Luật này chủ yếu dựa vào mô hình pháp luật phá sản Pháp, ngoài một số cải biên mang tính kỹ thuật, đạo luật này không có một triết lý mới mẻ đáng kể nào so với Bộ luật thương mại Trung phần 1942.

Hai thủ tục khánh tận và thanh toán tư pháp vẫn được duy trì, áp dụng riêng cho thương nhân. Tuy nhiên, so với Bộ luật thương mại Trung phân 1942, thuật ngữ “phá sản” chỉ được dùng cho các tội danh liên quan đến khánh tận.

Sau năm 1975, trong nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, do kiểm soát và định đoạt mọi nguồn lực sản xuất, nhà nước trở thành một xí nghiệp khổng lồ, các đơn vị kinh doanh không có động lực để cạnh tranh, sự tồn tại của chúng được duy trì theo ý chí của nhà nước, kinh tế bao cấp không cần tới luật phá sản. Hay nói cách khác, trong nền kinh tế kế hoạch hóa, các vấn đề pháp luật về phá sản hay chống cạnh tranh không được đặt ra bởi ở đó mọi hoạt động kinh tế đều chịu sự điều tiết của nhà nước theo kế hoạch đã được định ra, không có sự cạnh tranh, và do đó không có phá sản.

Khi chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường thì vấn đề phá sản và giải quyết phá sản lại được đặt ra. Cạnh tranh chính là quy luật của nền kinh tế thị trường. Dưới tác động của quy luật cạnh tranh, các doanh nghiệp cạnh tranh khốc liệt với nhau. Khi tự do kinh doanh và cạnh tranh tái xuất hiện, nhu cầu điều tiết vỡ nợ các đơn vị kinh doanh vốn thuộc quyền quản lý của nhà nước trở nên cấp bách. Nhu cầu điều chỉnh cấp bách nhất lúc này là các doanh nghiệp nhà nước thua lỗ hàng loạt khi bước vào cạnh tranh với một tư thế thiếu năng động so với khu vực kinh tế tư nhân. Ngày 30/12/1993, Quốc hội đã thông qua Luật Phá sản doanh nghiệp, trong đó doanh nghiệp nhà nước là đối tượng đặc biệt quan tâm trong chính sách đổi mới. Sự ra đời của Luật phá sản doanh nghiệp 1993 đánh dấu sự ra đời của hệ thống pháp luật phá sản với tư cách là một bộ phận quan trọng của hệ thống pháp luật kinh doanh trong bối cảnh nước ta thực hiện nền kinh tế nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, những thay đổi về kinh tế và xã hội khi đất nước bước sang giai đoạn mở cửa đặt ra yêu cầu phải có Luật mới để đáp ứng được những thay đổi của nền kinh tế. Theo đó Luật phá sản năm 2004 đã được Quốc hội

thông qua ngày 15/06/2004 thay thế cho Luật phá sản doanh nghiệp 1993. Luật phá sản năm 2004 có sự đổi mới quan trọng, phản ánh đầy đủ hơn đời sống kinh tế- xã hội nói chung và tình hình phá sản doanh nghiệp ở nước ta nói riêng. Sau gần 10 năm được áp dụng, có thể nói Luật phá sản năm 2004 đã thể hiện được vai trò là một trong những công cụ pháp lý quan trọng thúc đẩy sự phát triển kinh tế của Việt Nam trong việc thể chế hóa chính sách kinh tế của nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi cho các DN, HTX đang trong tình trạng sản xuất kinh doanh khó khăn, thua lỗ có cơ hội để rút khỏi thị trường một cách có trật tự, góp phần tái phân phối tài sản; thúc đẩy sự lưu thông vốn trong nền kinh tế thị trường, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động và các chủ nợ.

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, ngày 19/6/2014 một luật phá sản mới đã được Quốc hội Việt Nam thông qua, đã thay thế cho Luật phá sản 2004. Luật Phá sản ra đời đã đáp ứng được Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn liền với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của DN, HTX, đồng thời tiếp tục thực hiện chiến lược cải cách tư pháp, tiếp tục từng bước hoàn thiện một cách căn bản hệ thống pháp luật kinh tế nói chung và Luật Phá sản nói riêng; khắc phục các quy định của Luật Phá sản chưa phù hợp, gây khó khăn cho việc áp dụng, cũng như các vấn đề mới phát sinh vướng mắc trong quá trình thực tiễn; bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của DN, HTX, cá nhân, cơ quan, tổ chức, đảm bảo thủ tục thương lượng, mở thủ tục phá sản, phục hồi DN, HTX, thủ tục, trình tự giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản công khai, rõ ràng, dễ hiểu, dễ áp dụng và phù hợp quy định pháp luật.

Có thể thấy rằng, nếu như nền kinh tế thị trường đã quyết định sự ra đời của pháp luật về phá sản thì trình độ phát triển của chính nền kinh tế đó lại quyết định sự khác nhau trong pháp luật về phá sản của các nước khác nhau.

Ở nước ta có thể thấy rằng trong mỗi giai đoạn phát triển của nền kinh tế, pháp luật phá sản đã ra đời, thay đổi để có thể phù hợp với tình hình mới. Hiện nay, trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế và toàn cầu hóa đang diễn ra một cách mạnh mẽ, mang đến cho nước ta nhiều cơ hội và thách thức mới, do vậy việc hoàn thiện pháp luật phá sản nói chung cũng như các văn bản pháp luật khác là vô cùng quan trọng, đáp ứng tình hình phát triển kinh tế-xã hội của đất nước và phù hợp với xu thế hội nhập kinh tế quốc tế.

Pháp luật phá sản có vai trò vô cùng quan trọng trong đời sống kinh tế-xã hội của mỗi quốc gia. Pháp luật phá sản là công cụ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ nợ, đảm bảo việc đòi nợ diễn ra đúng pháp luật. Pháp luật phá sản bảo vệ lợi ích của con nợ, đem lại cho các doanh nghiệp đang trong tình trạng phá sản một cơ hội phục hồi hoặc rút khỏi thị trường một cách có trật tự và hợp pháp. Ngoài ra, pháp luật phá sản bảo vệ lợi ích của người lao động, đảm bảo trật tự, kỷ cương pháp luật, góp phần vào việc tổ chức và cơ cấu lại nền kinh tế.

1.3. Mối quan hệ giữa thủ tục thanh lý tài sản với các thủ tục khác trong giải quyết phá sản

Như đã phân tích, thủ tục phá sản được hiểu là trình tự từng bước tiến hành giải quyết việc phá sản theo quy định của pháp luật. Mở thủ tục thanh lý tài sản là khâu cuối cùng trong quá trình giải quyết phá sản. Khác với cách tiếp cận của Luật Phá sản 2004, thủ tục phá sản quy định trong LPS 2014 chỉ bao gồm hai thủ tục chính là thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh và thủ tục tuyên bố phá sản. Thanh lý tài sản được thực hiện sau khi có quyết định tuyên bố doanh nghiệp phá sản chứ không còn là một thủ tục riêng biệt được tiến hành trước khi ra quyết định tuyên bố doanh nghiệp phá sản như trước nữa. Đối với doanh nghiệp mất khả năng thanh toán, không nhất thiết phải thực hiện lần

lượt hai thủ tục này để được phá sản. Thủ tục mở thủ tục phá sản là bước đệm cho việc mở thủ tục này.

Quy định việc tuyên bố phá sản của Tòa án được thực hiện trước thủ tục thanh lý tài sản bởi vì:

Thứ nhất, giúp cho Tòa án giải quyết nhanh thủ tục tuyên bố DN, HTX bị phá sản, tạo điều kiện cho DN, HTX mất khả năng thanh toán được rút khỏi thị trường một cách hợp pháp, qua đó, góp phần làm bình ổn nền kinh tế thị trường. Qua tổng kết thi hành Luật phá sản năm 2004 Tòa án ra Quyết định tuyên bố phá sản là rất ít, trong khi đó số lượng có hàng nghìn DN, HTCX đã mất khả năng thanh toán nhưng Tòa án không thể ra quyết định tuyên bố phá sản, bởi vì các DN, HTX này vẫn còn tài sản nhưng không bán được hoặc còn khoản nợ phải thu nhưng chưa thu hồi được nên phương án phân chia tài sản chưa được thực hiện xong nên chưa thể ra quyết định đình chỉ thủ tục thanh lý tài sản để từ đó ra quyết định tuyên bố phá sản.

Thứ hai, khi tiến hành thủ tục thanh lý tài sản có nghĩa là doanh nghiệp lúc này không còn khả năng phục hồi hoạt động kinh doanh nữa, đồng thời lúc này chỉ còn các khoản nợ khó đòi và tài sản không còn giá trị thương mại. Do đó, làm kéo dài thời gian thanh lý khiến việc ra quyết định tuyên bố phá sản khó thực hiện. Theo quy định của LPS 2004 thì Quyết định tuyên bố DN, HTX bị phá sản được đưa ra đồng thời với việc ra quyết định đình chỉ thủ tục thanh lý tài sản khi DN, HTX không còn tài sản để thực hiện phương án phân chia, hoặc phương án phân chia đã được thực hiện xong. Như vậy đối với các trường hợp DN, HTX vẫn còn tài sản nhưng không bán được, hoặc còn khoản nợ phải thu nhưng chưa thu hồi được nên phương án phân chia tài sản chưa được thực hiện xong. Do đó chưa thể đưa ra quyết định đình chỉ thủ tục thanh lý tài sản và QĐ tuyên bố phá sản được. Việc quy định thanh lý tài

sản được thực hiện sau khi có quyết định tuyên bố phá sản đã khắc phục được tồn tại này.

Thứ ba, tạo sự tương thích với thông lệ quốc tế. Hiện nay, hầu hết các quốc gia trên thế giới khi giải quyết vụ việc phá sản đều tuân theo quy trình Tòa án tuyên bố phá sản rồi mới tiến hành thanh lý tài sản, các khoản nợ. Việc đảo ngược trình tự như Luật phá sản năm 2004 vừa không phù hợp với thông lệ quốc tế, vừa gây khó khăn cho các doanh nghiệp. Bởi lẽ khi tiến hành thủ tục thanh lý tài sản có nghĩa là doanh nghiệp lúc này không còn khả năng phục hồi hoạt động kinh doanh nữa, đồng thời lúc này chỉ còn các khoản nợ khó đòi và tài sản không còn giá trị thương mại. Do đó, làm kéo dài thời gian thanh lý khiến việc ra quyết định tuyên bố phá sản khó thực hiện.

Thủ tục tuyên bố DN, HTX phá sản là tiền đề cho việc thanh lý tài sản phá sản. Tuyên bố phá sản đối với con nợ là một cách thức pháp lý thu hồi nợ của các chủ nợ. Vì bản chất thủ tục phá sản là thủ tục đòi nợ tập thể. Do đó các chủ nợ sẽ thu hồi nợ bằng cách yêu cầu Tòa án tuyên bố phá sản đối với con nợ. Thủ tục tuyên bố DN, HTX phá sản được thực hiện trước thủ tục phục hồi, thủ tục thanh lý tài sản thì sẽ thuận lợi hơn cho cả Tòa án và Cơ quan thi hành án trong việc thực hiện chức năng trong vụ việc phá sản đó, tạo điều kiện cho Tòa án giải quyết nhanh chóng thủ tục tuyên bố DN, HTX bị phá sản; qua đó, DN, HTX bị lâm vào tình trạng phá sản được rút khỏi thị trường một cách hợp pháp.

Trong quá trình tồn tại của mình, bất kỳ một doanh nghiệp nào cũng phải đối mặt với cạnh tranh, những nguy cơ rủi ro và có thể dẫn tới việc phá sản. Tuy nhiên không phải cứ phá sản là sẽ đem đến những hậu quả xấu đến kinh tế- xã hội. Do đó, pháp luật phá sản hiện nay bên cạnh việc bảo vệ chủ nợ còn hướng tới bảo vệ lợi ích của con nợ. Con nợ được tạo cơ chế, điều kiện để phục hồi lại tình hình tài chính và sản xuất kinh doanh của mình để có

thể thoát khỏi tình trạng phá sản. Xét trên góc độ tăng trưởng kinh tế thì đây là biện pháp góp phần tạo dựng một nền kinh tế ổn định. Tuy nhiên, khi con nợ đã được tạo điều kiện như vậy mà vẫn không thể khắc phục được tình trạng tài chính của mình và đi tới chấm dứt sự tồn tại của doanh nghiệp thì pháp luật phá sản đã đưa ra cơ chế thanh lý doanh nghiệp để giúp cho việc thanh lý tài sản của con nợ được nhanh nhất, giải phóng con nợ khỏi trách nhiệm thanh toán đối với các chủ nợ nhanh nhất, rút khỏi thị trường một các có trật tự, loại bỏ triệt để những doanh nghiệp kinh doanh kém hiệu quả, góp phần làm trong sạch môi trường kinh doanh.

Việc pháp luật phá sản quy định thủ tục thanh lý tài sản là thủ tục riêng biệt đã góp phần quan trọng trong việc đảm bảo giải quyết thỏa đáng mối quan hệ về lợi ích giữa chủ nợ và các con nợ cũng như giữa các chủ nợ với nhau. Thủ tục thanh lý tài sản quy định cách thức mà các nhóm chủ nợ được làm và không được làm để tạo nên một sự công bằng cần thiết cho các chủ nợ, hay nói cách khác, các bên chủ nợ cũng như con nợ được đưa vào một khuôn khổ chung mà trong đó lợi ích mà các bên đề được xem xét một cách công bằng và minh bạch.

Kết luận Chương 1

Từ việc nghiên cứu những vấn đề lý luận về phá sản và thủ tục thanh lý tài sản phá sản có thể rút ra được những kết luận sau đây:

1. Phá sản là hiện tượng tất yếu của nền kinh tế thị trường. Qua các thời kỳ khác nhau, việc nhận thức và thái độ của Nhà nước đối với hiện tượng này cũng khác nhau. Hiện nay, phá sản là tình trạng của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán và bị Tòa án nhân dân ra quyết định tuyên bố phá sản. Khái niệm phá sản này được xem được coi là một thủ tục giải quyết tình trạng mất khả năng thanh toán và tìm những giải pháp phục hồi doanh nghiệp trước khi quyết định tuyên bố phá sản doanh nghiệp, tạo điều kiện để doanh

nghiệp rút lui khỏi thị trường một cách có trật tự và hợp pháp. Pháp luật phá sản có vai trò vô cùng quan trọng trong đời sống kinh tế- xã hội của mỗi quốc gia.

2. Khái quát dưới góc độ pháp lý, thủ tục thanh lý tài sản là trình tự từng bước giải quyết tài sản khi doanh nghiệp bị Tòa án tuyên bố phá sản. Nó có mối quan hệ đặc biệt đối với các thủ tục khác trong quá trình giải quyết phá sản.

Những kết quả nghiên cứu lý luận về pháp luật phá sản và thanh lý tài sản phá sản sẽ cơ sở cho việc đánh giá những quy định của pháp luật về vấn đề này và thực tiễn thực hiện thanh lý tài sản ở Việt Nam tại chương 2 của luận văn.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THANH LÝ TÀI SẢN PHÁ SẢN

2.1. Thực trạng các quy định của pháp luật về thanh lý tài sản phá sản của doanh nghiệp, hợp tác xã

2.1.1. Căn cứ áp dụng thủ tục thanh lý tài sản phá sản

Thủ tục thanh lý tài sản phá sản theo LPS 2014 đã có sự thay đổi so với Luật Phá sản 2004. Thủ tục phá sản quy định trong LPS 2014 chỉ bao gồm hai thủ tục chính là thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh và thủ tục tuyên bố phá sản. Theo đó thủ tục thanh lý tài sản được thực hiện sau tuyên bố phá sản của Tòa án. Tức là thủ tục tuyên bố DN, HTX phá sản là tiền đề cho việc thanh lý tài sản phá sản. Sau khi Tòa án ra quyết định tuyên bố phá sản thì cơ quan thi hành án dân sự mới ban hành Quyết định thi hành án và Chấp hành viên có văn bản yêu cầu QTV, DNQLTLTS thực hiện việc thanh lý tài sản.

2.1.1.1. Về thời hạn ra quyết định thi hành quyết định tuyên bố phá sản

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định tuyên bố phá sản, cơ quan thi hành án dân sự có trách nhiệm chủ động ra quyết định thi hành, phân công Chấp hành viên thi hành quyết định tuyên bố phá sản [36, Đ. 120]. Tuy nhiên, việc ra quyết định thi hành án phụ thuộc vào thời điểm mà Tòa án chuyển giao bản án, quyết định sang cơ quan Thi hành án dân sự. Theo đó, LTHADS đã sửa đổi, bổ sung, quy định trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án giải quyết phá sản, Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền chủ động ra quyết định thi hành án [38, Đ.36]. Do đó, Cơ quan Thi hành án căn cứ vào LTHADS sửa đổi, bổ sung để xác định thời hạn ra quyết định thi hành án đối với quyết định của Tòa án giải quyết phá sản.

2.1.1.2. Về thẩm quyền

LPS hiện hành quy định các vấn đề thi hành quyết định tuyên bố phá sản được thực hiện theo quy định của LPS, tuy nhiên sẽ áp dụng chủ yếu các quy định của pháp luật về thi hành án dân sự và quy định khác của pháp luật có liên quan. LPS 2014 có nhiều điểm mới cơ bản so với LPS trước đây. Một trong những điểm mới quan trọng đó là quy định nhiệm vụ và thẩm quyền của cơ quan Thi hành án dân sự trong việc tổ chức thi hành quyết định tuyên bố phá sản. Khác với việc thi hành các bản án kinh doanh thương mại là việc thi hành các bản án kinh doanh thương mại chỉ được cơ quan thi hành án thi hành khi có yêu cầu của người được thi hành, trong khi đó việc thi hành quyết định tuyên bố phá sản được cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành[36, Đ.120]. Thủ trưởng cơ quan thi hành án ra quyết định phân công chấp hành viên thi hành quyết định tuyên bố phá sản. Chấp hành viên sẽ mở một tài khoản tại ngân hàng đứng tên cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành quyết định tuyên bố phá sản để gửi các khoản tiền thu hồi được của doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định phân công của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên có văn bản yêu cầu Quản tài viên hoặc doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thực hiện việc thanh lý tài sản và chấp hành viên có nhiệm vụ giám sát Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thực hiện thanh lý tài sản. Chấp hành viên cũng là người có nhiệm vụ thực hiện phương án phân chia tài sản theo quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản sau khi nhận được báo cáo của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản về kết quả thanh lý tài sản.

Nếu như trước đây, việc tham gia giải quyết các vụ án phá sản với tư cách là thành viên của tổ quản lý, thanh lý tài sản do Toà án thành lập và thẩm quyền quyết định trong quá trình giải quyết vụ việc thuộc về thẩm

phán toà án, thì nay thẩm quyền, trình tự thủ tục thi hành quyết định tuyên bố phá sản của cơ quan Thi hành án dân sự được thực hiện mang tính độc lập hơn, kết quả giải quyết phá sản trước đây chưa được phản ánh vào kết quả thi hành án thì nay được phản ánh vào kết quả thi hành án của cơ quan Thi hành án dân sự.

2.1.1.3. Về thủ tục thanh lý tài sản

Pháp luật quy định trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định tuyên bố phá sản, cơ quan thi hành án dân sự có trách nhiệm chủ động ra quyết định thi hành, phân công Chấp hành viên thi hành quyết định tuyên bố phá sản. Sau khi nhận được quyết định phân công của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự, chấp hành viên thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Mở một tài khoản tại ngân hàng đứng tên cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành quyết định tuyên bố phá sản để gửi các khoản tiền thu hồi được của DN, HTX phá sản;
- Giám sát quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thực hiện thanh lý tài sản;
- Thực hiện cưỡng chế để thu hồi tài sản, giao tài sản cho người mua được tài sản trong vụ việc phá sản theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự;
- Sau khi nhận được báo cáo của QTV, DNQLTLTS về kết quả thanh lý tài sản, chấp hành viên thực hiện phương án phân chia tài sản theo quyết định tuyên bố DN, HTX phá sản [36, k.2.Đ.120]

2.1.1.4. Về yêu cầu quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản tổ chức thực hiện thanh lý tài sản

Theo quy định của LPS năm 2014 thì chỉ có Thẩm phán mới có thẩm quyền chỉ định Quản tài viên hoặc doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thực hiện việc thanh lý, quản lý tài sản. Pháp luật hiện hành quy định trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định phân công của Thủ

trưởng cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên có văn bản yêu cầu QTV, DNQLTLTS thực hiện việc thanh lý tài sản. Văn bản yêu cầu QTV, DNQLTLTS thực hiện việc thanh lý tài sản phải được gửi cho TAND, VKSND, người tham gia thủ tục phá sản. Tài sản mà QTV, DNQLTLTS không thực hiện được việc thanh lý sau 02 năm kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của Chấp hành viên thì QTV, DNQLTLTS phải chấm dứt việc thanh lý tài sản và bàn giao toàn bộ giấy tờ, tài sản của DN, HTX phá sản cho cơ quan thi hành án dân sự xử lý, thanh lý tài sản theo quy định của pháp luật [36, Đ.45].

QTV, DNQLTLTS mà Chấp hành viên có quyền yêu cầu theo quy định của LPS 2014 phải là QTV, DNQLTLTS đã được Thẩm phán chỉ định và chỉ được thực hiện khi vẫn còn tài sản của doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản chưa được thanh lý hoặc chưa được thanh lý xong. Chấp hành viên lập văn bản theo quy định của LPS 2014 để yêu cầu QTV, DNQLTLTS thực hiện việc thanh lý tài sản [36, Đ.121].

2.1.2. Xử lý tài sản phá sản

2.1.2.1. Tài sản phá sản của DN, HTX dùng để phân chia

Theo LPS năm 2014, khi doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản, Quản tài viên hoặc doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản chỉ có trách nhiệm thanh lý tài sản. Do đó, quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Phá sản năm 2014 chỉ áp dụng khi vẫn còn tài sản của doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản chưa được thanh lý hoặc chưa được thanh lý xong.

Sau khi quyết định tuyên bố DN, HTX phá sản mà phát hiện giao dịch dân sự vô hiệu thì QTV, DNQLTLTS có quyền yêu cầu TAND tuyên bố giao dịch vô hiệu, xử lý hậu quả của giao dịch vô hiệu và phân chia tài sản của DN, HTX. Sau khi quyết định tuyên bố DN, HTX phá sản mà phát hiện tài sản của DN, HTX chưa chia thì TAND đã tuyên bố phá sản xem xét và quyết định phân chia tài sản theo quy định. Việc thanh lý tài sản dựa trên giá trị tài

sản của doanh nghiệp, hợp tác xã đã được kiểm kê và xác định sau khi có quyết định mở thủ tục phá sản.

Việc kiểm kê tài sản của DN, HTX mất khả năng thanh toán được thực hiện trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định mở thủ tục phá sản, DN, HTX mất khả năng thanh toán phải tiến hành kiểm kê tài sản và xác định giá trị tài sản đó, trong trường hợp cần thiết thì phải có văn bản đề nghị Thẩm phán gia hạn, nhưng không quá hai lần, mỗi lần không quá 30 ngày. Việc xác định giá trị tài sản của DN, HTX phải được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Thực tế hiện nay, việc xác định tài sản của DN, HTX phá sản dựa vào : Bản tự kê khai của DN, HTX, kiểm đếm trên thực tế, sổ sách của DN, HTX. Tuy nhiên, việc các DN, HTX mất khả năng thanh toán có thực hiện việc nộp báo cáo kiểm kê tài sản và xác định giá trị tài sản đó liệu có đúng theo đúng thời hạn quy định tại Điều 65 LPS 2014 hay không. Nếu doanh nghiệp chưa được kiểm toán trước khi có quyết định mở thủ tục phá sản, chưa hoàn tất báo cáo tài chính, báo cáo thuế hoặc chưa thống kê danh mục các tài sản cố định, lưu động hiện có của doanh nghiệp thì Tòa án yêu cầu Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản tổ chức kiểm kê xác định lại giá trị một phần hoặc toàn bộ tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã. Giá trị tài sản được định giá theo giá thị trường tại thời điểm kiểm kê.

Để khắc phục tình trạng đại diện DN, HTX vắng mặt hoặc không hợp tác về việc kiểm kê tài sản, hoặc cố tình làm sai lệch việc kiểm kê tài sản, gây cản trở cho việc giải quyết vụ việc phá sản, khoản 2 Điều 65 LPS 2014 quy định: Trường hợp đại diện hợp pháp của doanh nghiệp, hợp tác xã vắng mặt thì người được Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản chỉ định làm đại diện của doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện công việc kiểm kê và xác định giá trị tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã.

Việc xử lý trường hợp đại diện DN, HTX không hợp tác về kiểm kê tài sản hoặc cố tình làm sai lệch việc kiểm kê tài sản được quy định rõ : Trường hợp đại diện doanh nghiệp, hợp tác xã và những người khác không hợp tác về việc kiểm kê tài sản hoặc cố tình làm sai lệch việc kiểm kê tài sản thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Khi tiến hành thanh lý tài sản phá sản phải dựa trên giá trị tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã đã được kiểm kê và xác định sau khi có quyết định mở thủ tục phá sản.

Theo Điều 64 Luật Phá sản 2014, tài sản phá sản bao gồm:

- Tài sản và quyền tài sản mà doanh nghiệp, hợp tác xã có tại thời điểm Tòa án nhân dân quyết định mở thủ tục phá sản.

- Các khoản lợi nhuận, các tài sản và các quyền tài sản mà doanh nghiệp, hợp tác xã sẽ có do việc thực hiện các giao dịch được xác lập trước khi Tòa án nhân dân mở thủ tục phá sản.

- Tài sản và quyền tài sản có được sau ngày Tòa án nhân dân ra quyết định mở thủ tục phá sản.

- Tài sản là vật bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của doanh nghiệp, hợp tác xã. Trường hợp thanh toán tài sản là vật bảo đảm được trả cho các chủ nợ có bảo đảm, nếu giá trị của vật bảo đảm vượt quá khoản nợ có bảo đảm phải thanh toán thì phần vượt quá đó là tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã.

- Giá trị quyền sử dụng đất của doanh nghiệp, hợp tác xã được xác định theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Tài sản thu hồi từ hành vi cất giấu, tẩu tán tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã.

- Tài sản và quyền tài sản có được do thu hồi từ các giao dịch vô hiệu

- Các tài sản khác theo quy định của pháp luật.

Ngoài những tài sản trên, tài sản của doanh nghiệp tư nhân, công ty hợp danh còn bao gồm tài sản của chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh không trực tiếp dùng vào hoạt động kinh doanh. Trường hợp chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh có tài sản thuộc sở hữu chung thì phần tài sản của chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh đó được chia theo quy định của Bộ luật dân sự và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Những tài sản không được coi là tài sản của doanh nghiệp kinh doanh chứng khoán, ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát; tài sản ủy thác của khách hàng trong nghiệp vụ quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán; tài sản của quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, quỹ hưu trí, quỹ hưu trí tự nguyện, bổ sung; tài sản nhận gửi giữ hộ của khách hàng. Tài sản không chia theo quy định của pháp luật về hợp tác xã cũng không được coi là tài sản của hợp tác xã. Cụ thể, trong trường hợp hợp tác xã bị tuyên bố phá sản thì các tài sản sau không bị áp dụng trong việc thanh lý tài sản phá sản:

- Quyền sử dụng đất do Nhà nước giao đất, cho thuê đất;
- Khoản trợ cấp, hỗ trợ không hoàn lại của Nhà nước, khoản được tặng cho theo thỏa thuận là tài sản không được chia;
- Phần trích lại từ quỹ đầu tư phát triển hằng năm được đại hội thành viên quyết định đưa vào tài sản không chia;
- Vốn, tài sản khác được điều lệ quy định là tài sản không chia.

Để bảo toàn tài sản phá sản, LPS năm 2014 thiết lập cơ chế xác định tài sản, xác định nợ có tính lãi, thu hồi tài sản và đặc biệt là các quy định tuyên bố các giao dịch khả nghi có khả năng gây giảm sút giá trị tài sản của doanh nghiệp bị phá sản. Các giao dịch trước khi tòa án ra quyết định mở thủ tục phá sản là giao dịch khả nghi. Luật phá sản 2014 quy định giao dịch của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán nếu gây thiệt hại về tài sản cho

doanh nghiệp, hợp tác xã sẽ bị coi là vô hiệu nếu được thực hiện trong thời gian 6 tháng trước ngày tòa án ra quyết định mở thủ tục phá sản. Trường hợp các giao dịch này được thực hiện với người có liên quan của doanh nghiệp, hợp tác xã thì thời hạn này là 18 tháng [36, Đ.59].

2.1.2.2. Định giá, định giá lại, bán tài sản

Định giá và bán tài sản là cách thức thanh lý tài sản điển hình tại các DN, HTX mất khả năng thanh toán và đã bị tuyên bố phá sản. Việc định giá tài sản được thực hiện khi giá trị của tài sản là mơ hồ chưa định hình, định tính một cách rõ rệt. Việc định giá tài sản phục vụ cho công tác thanh lý tài sản và việc bán tài sản nhằm mục đích vốn hóa các tài sản của DN, HTX khi không còn có thể sử dụng để thực hiện hoạt động kinh doanh.

Việc định giá tài sản trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định tuyên bố phá sản, QTV, DNQLTLTS phải tổ chức định giá tài sản theo quy định của pháp luật. Khi ký hợp đồng dịch vụ với tổ chức thẩm định giá thì QTV, DNQLTLTS không được ký hợp đồng thẩm định giá với cá nhân, tổ chức mà mình có quyền, lợi ích liên quan. Trường hợp tài sản thanh lý có nguy cơ bị phá hủy hoặc bị giảm đáng kể về giá trị thì QTV, DNQLTLTS xác định giá trị tài sản và thanh lý theo quy định của pháp luật.

Về định giá lại tài sản, việc định giá lại tài sản được thực hiện khi có vi phạm nghiêm trọng trong khâu định giá tài sản lần đầu dẫn đến sai lệch kết quả định giá tài sản. Thẩm phán quyết định định giá lại đối với trường hợp bán tài sản của DN, HTX mất khả năng thanh toán để đảm bảo chi phí phá sản. Chấp hành viên quyết định định giá lại đối với trường hợp thanh lý tài sản.

Về bán tài sản, pháp luật có quy định khá chi tiết. Cụ thể, việc bán tài sản được thực hiện theo một trong các cách sau: bán đầu giá hoặc bán không qua thủ tục đấu giá. Việc bán đầu giá đối với tài sản là động sản có giá trị từ trên 10.000.000 đồng và bất động sản được thực hiện theo quy định của pháp

luật về bán đấu giá tài sản. Quản tài viên, DN quản lý, thanh lý tài sản có quyền thoả thuận với tổ chức bán đấu giá trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày định giá. Quản tài viên, DN quản lý, thanh lý tài sản ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá tài sản với tổ chức bán đấu giá. Trường hợp QTV, DNQLTLTS không thoả thuận được thì Chấp hành viên lựa chọn tổ chức bán đấu giá để ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá tài sản. Việc ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá tài sản được tiến hành trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thẩm định giá. Việc bán đấu giá đối với động sản phải được thực hiện trong thời hạn là 30 ngày, đối với bất động sản là 45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá tài sản. QTV, DNQLTLTS bán đấu giá tài sản thanh lý trong các trường hợp sau:

- Tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi có tài sản chưa có tổ chức bán đấu giá hoặc có nhưng tổ chức bán đấu giá từ chối ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá tài sản;

- Động sản có giá trị từ 2.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

Việc bán đấu giá đối với động sản phải được thực hiện trong thời hạn là 30 ngày, đối với bất động sản là 45 ngày kể từ ngày định giá hoặc từ ngày nhận được văn bản của tổ chức bán đấu giá từ chối bán đấu giá. Quản tài viên, DN quản lý, thanh lý tài sản bán không qua thủ tục bán đấu giá đối với tài sản có giá trị dưới 2.000.000 đồng hoặc tài sản quy định tại khoản có nguy cơ bị phá hủy hoặc bị giảm đáng kể về giá trị thì quản tài viên, DN quản lý, thanh lý tài sản xác định giá trị tài sản và thanh lý theo quy định của pháp luật. Việc bán tài sản phải được thực hiện trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định thi hành quyết định tuyên bố phá sản hoặc quyết định bán tài sản.

2.1.2.3 .Thứ tự phân chia tài sản

Phân phối tài sản của DN, HTX khi có quyết định tuyên bố phá sản là hình thức phân phối tài sản cơ bản cuối cùng. Nguyên tắc chung theo Luật Doanh nghiệp 2014 và Luật phá sản 2014 là khi thanh lý tài sản của DN, HTX, tiền thu được từ việc thanh lý trước hết dùng để thanh toán nghĩa vụ được ưu tiên theo luật (như nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội cho người lao động và nợ thuế) và thanh toán chi phí giải thể hoặc phá sản. Sau đó, phần tiền còn lại được thanh toán cho chủ nợ và cuối cùng thanh toán cho thành viên và cổ đông.

Khi DN, HTX phá sản thì quy định về xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của Luật phá sản 2014 sẽ áp dụng cùng với các quy định chung về giao dịch bảo đảm. Luật phá sản 2014 sẽ ưu tiên áp dụng trong trường hợp có sự mâu thuẫn với các quy định chung về giao dịch bảo đảm.

Đối với một giao dịch bảo đảm, quyền của chủ nợ có bảo đảm được xác lập trước khi tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản được ưu tiên hơn so với quyền của chủ nợ không có bảo đảm. Theo LPS 2014, kể từ ngày tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, mọi hoạt động liên quan đến tài sản của công ty lâm vào tình trạng phá sản đều phải tạm đình chỉ, trừ khi có sự đồng ý của tòa án. Do vậy, việc xử lý tài sản bảo đảm của chủ nợ có bảo đảm có giao dịch bảo đảm được xác lập trước khi tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản cần có sự đồng ý của tòa án. Với sự đồng ý của tòa án, chủ nợ có bảo đảm có quyền xử lý tài sản bảo đảm như một bên nhận bảo đảm bình thường. Hay nói cách khác, chủ nợ có bảo đảm có thể xử lý tài sản bảo đảm sau ngày tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, miễn là giao dịch bảo đảm được xác lập trước khi tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản và tòa án đồng ý cho chủ nợ bảo đảm xử lý tài sản bảo đảm.

Nếu giá trị tài sản bảo đảm không đủ thanh toán số nợ, phần nợ còn lại của chủ nợ có bảo đảm đó có thể được thanh toán trong quá trình thanh lý tài sản của DN, HTX. Trong trường hợp này, chủ nợ có bảo đảm trở thành chủ nợ không có bảo đảm đối với phần nợ còn lại và có trình tự ưu tiên thanh toán cùng hàng với các chủ nợ không có bảo đảm khác. Ngược lại, nếu giá trị của tài sản bảo đảm lớn hơn số nợ, phần chênh lệch được nhập vào giá trị tài sản của DN, HTX để thanh toán các nghĩa vụ khác của DN, HTX.

Trường hợp Thẩm phán ra quyết định tuyên bố phá sản thì việc phân chia giá trị tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã theo thứ tự sau đây:

Thứ nhất là chi phí phá sản:

Chi phí phá sản là khoản tiền phải chi trả chi việc giải quyết phá sản. Khi thanh lý tài sản, chi phí phá sản được ưu tiên trả trước tiên. Chi phí phá sản bao gồm:

- Chi phí thanh toán cho Quản tài viên hoặc doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản trong trường hợp chủ nợ thuê quản tài viên hoặc doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản;

- Chi phí kiểm toán;

- Chi phí đăng báo;

- Các chi phí khác theo quy định của pháp luật. Các chi phí này có thể bao gồm chi phí cho luật sư và các tư vấn khác tham gia vào quá trình phá sản.

Thứ hai là trách nhiệm đối với người lao động:

Trách nhiệm với người lao động được thanh toán ưu tiên sau chi phí phá sản. Trách nhiệm với người lao động bao gồm: Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với người lao động, các quyền lợi khác theo hợp đồng lao động và thỏa ước lao động tập thể đã ký kết.

Thứ ba là khoản nợ phục hồi hoạt động kinh doanh:

Khoản nợ phát sinh sau khi mở thủ tục phá sản nhằm mục đích phục hồi hoạt động kinh doanh của DN, HTX được thanh toán ưu tiên sau chi phí phá sản và trách nhiệm với người lao động. Đây là một quy định mới của LPS 2014 để khuyến khích ngân hàng và cá bên tài trợ khác cung cấp các khoản vay nhằm mục đích phục hồi hoạt động kinh doanh của công ty. Để có thể được coi là khoản nợ phục hồi hoạt động kinh doanh, khoản nợ cần được chấp thuận tại nghị quyết của hội nghị chủ nợ về phương án phục hồi hoạt động kinh doanh và được toàn án công nhận.

Thứ tư là khoản nợ không có bảo đảm:

Các khoản nợ không có bảo đảm bao gồm: Các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước; các khoản nợ không có bảo đảm phải trả cho các chủ nợ trong danh sách chủ nợ và các khoản nợ có bảo đảm chưa được thanh toán do giá trị tài sản có bảo đảm không đủ thanh toán số nợ.

Một điểm đáng lưu ý là việc thanh toán nợ thuế và nghĩa vụ tài chính được quy định rõ trong LPS 2014. Cơ quan thuế và cơ quan nhà nước trong trường hợp này được coi như một chủ nợ không có bảo đảm và việc thanh toán nợ thuế và nghĩa vụ tài chính được thanh toán cùng hàng với nợ của các chủ nợ không có bảo đảm khác.

Nếu giá trị tài sản không đủ để thanh toán theo bốn nhóm đối tượng nói trên thì từng đối tượng cùng một thứ tự ưu tiên được thanh toán theo tỷ lệ phần trăm tương ứng với số nợ.

Thứ năm là phân phối cho thành viên hoặc cổ đông của công ty:

Trường hợp giá trị tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã sau khi đã thanh toán đủ các khoản theo quy định nếu không còn, thành viên hoặc cổ đông sẽ không nhận được bất cứ khoản tiền nào từ việc thanh lý tài sản công ty. Nếu mà vẫn còn thì phần này thuộc về thành viên hoặc cổ đông của công ty, gồm:

- Thành viên hợp tác xã, hợp tác xã thành viên;

- Chủ doanh nghiệp tư nhân;
- Chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;
- Các thành viên của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, các cổ đông của công ty cổ phần;
- Thành viên của công ty hợp danh.

Đối với các thành viên công ty TNHH, phần vốn góp của thành viên không có các loại khác nhau, nên về cơ bản thành viên được thanh toán tiền thanh lý tài sản của công ty TNHH trên cơ sở tỷ lệ sở hữu phần vốn góp.

Đối với công ty cổ phần, cổ phần có các loại khác nhau. Cổ đông của công ty cổ phần dù nắm giữ cổ phần phổ thông hay cổ phần ưu đãi đều được thanh toán sau chủ nợ khi công ty cổ phần phá sản. Tuy nhiên, vấn đề được đặt ra đó là trong số các cổ đông sở hữu các loại cổ phần ưu đãi khác nhau thì có cổ đông nào được thanh toán trước cổ đông sở hữu loại cổ phần ưu đãi khác và cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông hay không.

LDN 2014 không có quy định riêng về quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết liên quan đến việc phân phối tiền thu được từ thanh lý tài sản khi CTCP giải thể hoặc phá sản. Do vậy, có thể thấy rằng cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết có quyền ngang với cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông. Vấn đề còn lại là quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại và cổ phần ưu đãi khác.

2.1.2.4. Đình chỉ thi hành quyết định tuyên bố phá sản

Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự phải quyết định đình chỉ thi hành quyết định tuyên bố phá sản trong trường hợp sau đây:

- Doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản không còn tài sản để thanh lý, phân chia.
- Hoàn thành việc phân chia tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản.

- Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự báo cáo Tòa án nhân dân đã giải quyết phá sản và thông báo cho cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan về việc đình chỉ thi hành quyết định tuyên bố phá sản.

2.2. Thực trạng các quy định của pháp luật về thanh lý tài sản phá sản đối với các tổ chức tín dụng

Bên cạnh những điểm mới trong thủ tục thanh lý tài sản phá sản, Luật phá sản năm 2014 có điểm mới đáng kể là quy định về thủ tục phá sản đặc thù của các TCTD. Các Luật phá sản trước đây của Việt Nam đều không quy định về các trường hợp phá sản đặc thù mà chỉ quy định các vấn đề phá sản trên một bình diện chung, có giá trị áp dụng cho tất cả các loại hình DN và HTX. Việc bổ sung các quy định này là rất cần thiết vì TCTD là một hình thức DN đặc thù hoạt động theo sự điều chỉnh của Luật các TCTD và Luật doanh nghiệp với quy mô, cách thức quản lý, hoạt động khá phức tạp. Việc phá sản TCTD cũng không đơn thuần là thủ tục xóa sổ một DN thông thường.

Luật phá sản 2014 đã dành một chương riêng 8 điều quy định về Thủ tục phá sản các TCTD (Chương VIII – Thủ tục phá sản TCTD, từ Điều 97 đến Điều 104). Từ đây, các quy định đặc thù về phá sản các TCTD đã được thiết kế như một phần của LPS với kỳ vọng sẽ giúp cho việc thực hiện phá sản các TCTD có được cơ sở pháp lý chắc chắn. Việc áp dụng quy định về thủ tục phá sản tổ chức tín dụng được thực hiện theo quy định tại Chương VIII của LPS 2014. Những nội dung không quy định tại Chương VIII thì áp dụng theo quy định tương ứng của LPS 2014, trừ quy định tại Chương VI và Chương VII của LPS 2014.

2.2.1. Về thẩm quyền

Theo Luật Phá sản 2014, thẩm quyền thi hành quyết định tuyên bố phá sản thuộc về cơ quan thi hành án. Khác với việc thi hành các bản án kinh doanh thương mại là việc thi hành các bản án kinh doanh thương mại chỉ

được cơ quan thi hành án thi hành khi có yêu cầu của người được thi hành, việc thi hành quyết định tuyên bố phá sản được cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành (Điều 120 Luật Phá sản 2014). Thủ trưởng cơ quan thi hành án ra quyết định phân công chấp hành viên thi hành quyết định tuyên bố phá sản. Chấp hành viên sẽ mở một tài khoản tại ngân hàng đứng tên cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành quyết định tuyên bố phá sản để gửi các khoản tiền thu hồi được của doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định phân công của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên có văn bản yêu cầu Quản tài viên (hoặc doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản) thực hiện việc thanh lý tài sản và chấp hành viên có nhiệm vụ giám sát Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thực hiện thanh lý tài sản. Chấp hành viên cũng là người có nhiệm vụ thực hiện phương án phân chia tài sản theo quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản sau khi nhận được báo cáo của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản về kết quả thanh lý tài sản. Trên đây là các bước cơ bản của quá trình tiến hành thủ tục phá sản các TCTD được thực hiện tại Tòa án. Thông qua các bước đã được mô tả như trên, có thể khẳng định là theo pháp luật Việt Nam hiện nay, thủ tục phá sản các TCTD được thực hiện tại tòa án theo một thủ tục rút gọn. Hai bước quan trọng có thể được tiến hành với các DN, HTX nhằm thực hiện hòa giải và phụ hồi DN, HTX mất khả năng đã không được thực hiện đối với TCTD là hội nghị chủ nợ và thủ tục phục hồi. Khi việc phá sản TCTD đã được chuyển đến cho tòa án tiến hành thủ tục phá sản thì mục tiêu chỉ là thanh toán tài sản tối ưu cho các chủ nợ.

2.2.2. Chủ thể quản lý tài sản

Cũng giống như việc phá sản DN, HTX, LPS 2014 giao việc quản lý, thanh lý tài sản cho quản tài viên hoặc doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản.

Sau khi ra quyết định mở thủ tục phá sản, trong thời hạn 3 ngày làm việc, Thẩm phán phải chỉ định quản tài viên hoặc doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản bằng văn bản theo các quy định tại Điều 45 LPS năm 2014. Quản tài viên hoặc doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản tiến hành việc lập danh sách chủ nợ, danh sách người mắc nợ, bảng kê tài sản của TCTD. Đây là công đoạn quan trọng, phức tạp và tốn nhiều thời gian nhất của thủ tục phá sản. Trong giai đoạn này, quản tài viên hoặc doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản cũng đồng thời sẽ thực hiện các biện pháp bảo toàn tài sản, xác định giá trị tài sản của TCTD và xác định các nghĩa vụ về tài sản của TCTD.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày QTV, DNQLTLTS lập xong danh sách chủ nợ, danh sách người mắc nợ, bảng kê tài sản của tổ chức tín dụng, Tòa án nhân dân ra quyết định tuyên bố tổ chức tín dụng phá sản[36, tr. Đ104].

2.2.3. Xử lý tài sản nhận ủy thác, nhận giữ hộ khi tổ chức tín dụng bị tuyên bố phá sản và thanh lý tài sản phá sản

LPS 2014 quy định trả lại tài sản nhận ủy thác, nhận giữ hộ khi TCTD bị tuyên bố phá sản và thanh lý tài sản phá sản. Chủ sở hữu tài sản ủy thác cho tổ chức tín dụng, gửi tổ chức tín dụng giữ hộ, giao tổ chức tín dụng quản lý thông qua hợp đồng ủy thác, giữ hộ, quản lý tài sản phải xuất trình giấy tờ chứng minh quyền sở hữu và hồ sơ, giấy tờ liên quan với cơ quan thi hành án dân sự để nhận lại tài sản của mình [36, tr. Đ102].

2.2.4. Thứ tự ưu tiên thanh toán khi phá sản TCTD

LPS 2014 quy định về thứ tự ưu tiên thanh toán tài sản phá sản đối với các TCTD, đó là:

- Chi phí phá sản;
- Khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với người lao động, quyền lợi khác theo hợp đồng lao động và thoả ước lao động tập thể đã ký kết;

- Khoản tiền gửi; khoản tiền tổ chức bảo hiểm tiền gửi phải trả cho người gửi tiền tại tổ chức tín dụng phá sản theo quy định của pháp luật về bảo hiểm tiền gửi và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

- Nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước; khoản nợ không có bảo đảm phải trả cho chủ nợ trong danh sách chủ nợ; khoản nợ có bảo đảm chưa được thanh toán do giá trị tài sản bảo đảm không đủ thanh toán nợ.

Theo quy định của LPS 2014 chủ nợ của các khoản tiền gửi được thanh toán trước các chủ nợ thông thường. Các khoản tiền tổ chức bảo hiểm tiền gửi phải trả cho người gửi tiền tại TCTD phá sản theo quy định của pháp luật về bảo hiểm tiền gửi và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cũng là khoản nợ được ưu tiên thanh toán.

2.3. Quản tài viên, Doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản

Quản tài viên, Doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản đóng vai trò là chủ thể đặc biệt trong thanh lý tài sản phá sản. Chế định về quản tài viên là chế định mới được đưa vào Luật phá sản năm 2014 nhưng thực ra không còn mới mẻ theo pháp luật phá sản của nhiều nước trên thế giới. Quản tài viên là người đóng vai trò trung gian quản lý và giám sát tài sản của DN, HTX mất khả năng thanh toán từ thời điểm tòa án ra quyết định mở thủ tục phá sản cho đến khi tòa án tuyên bố một DN hay một HTX phá sản. Nhìn chung, trong pháp luật phá sản của các nước thì thiết chế này thường được gọi là nhân viên quản lý tài sản (trustee) hay người tiếp nhận tài sản của DN bị mất khả năng thanh toán (receiver). Đa số các nước có nền kinh tế phát triển như Đức, Úc, Pháp, Nhật Bản... đều yêu cầu phải có một nhân viên do tòa án chỉ định để thực hiện chức năng quản lý tài sản của con nợ lâm vào tình trạng phá sản và giao cho nhân viên này thẩm quyền khá rộng rãi trong việc giải quyết phá sản[27, tr.43].

Một vụ phá sản thực chất là một vụ đòi nợ tập thể. Để đảm bảo thực hiện việc bảo toàn tài sản, ngăn chặn các hành vi tẩu tán tài sản nhằm mục đích trốn tránh trách nhiệm trả các khoản nợ cho các chủ nợ và trước những khoản nợ không còn khả năng thanh toán của con nợ, chế định quản lý tài sản phá sản đã ra đời.

Theo LPS 2004 thì khi Thẩm phán ra quyết định mở thủ tục phá sản thì sẽ đồng thời ra quyết định thành lập Tổ quản lý tài sản. Như vậy chủ thể được giao nhiệm vụ quản lý và thanh lý tài sản phá sản là Tổ quản lý, thanh lý tài sản. Tuy nhiên, LPS năm 2014 đã thay thế chế định Tổ quản lý thanh lý tài sản bằng chế định Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý thanh lý tài sản bởi vì:

Một là, việc thành lập Tổ quản lý tài sản đã gây ra nhiều bất cập khi ứng dụng vào trong thực tiễn bởi số lượng thành viên tham gia các tổ chức này (ít nhất có 5 người trở lên điều 15, LPS 2004) đại diện cho nhiều chủ thể khác nhau, đến từ các cơ quan khác nhau đã gây ra nhiều bất cập trong hoạt động. Cách thiết kế đó đã phát sinh nhiều hệ quả phức tạp, như sự không thống nhất giữa thành viên trong việc đánh giá, kết luận về tài sản cũng như các biện pháp liên quan đến tài sản của doanh nghiệp và do đó, kéo dài việc giải quyết mà gây không ít trở ngại cho sự quản lý. Đáng lưu ý là trong hệ thống làm việc theo tổ có thể gây ra sự chậm trễ trong quá trình tổ tụng và kèm theo đó là hiệu quả thấp. Đồng thời việc quy định QTV, DNQLTLTS không phải là cán bộ, công chức Tòa án quản lý tài sản đảm bảo được tính vô tư, khách quan đối với Tòa án khi giải quyết phá sản DN, HTX

Hai là, phù hợp với thông lệ quốc tế, vì hiện nay nhiều nước quy định về chế định Quản tài viên, ví dụ: Nhật Bản, Đức, Nga, Pháp, Mỹ, Latvia và theo khuyến nghị số 45 của Ủy ban Luật thương mại quốc tế của Liên hiệp quốc (UNCITRAL) có khuyến nghị về chế định Quản tài viên. Quản tài viên là người được Tòa án chỉ định để quản lý tài sản của DN, HTX bị yêu cầu phá

sản ở các giai đoạn, như: giai đoạn Tòa án nhận đơn mở thủ tục phá sản, mở thủ tục phá sản và phục hồi DN, HTX, thi hành quyết định tuyên bố phá sản.

Ba là, phù hợp với việc thực hiện chủ trương xã hội hoá những hoạt động mang tính nghề nghiệp theo quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về cải cách hành chính.

Khắc phục những mâu thuẫn trên, nhiệm vụ quản lý, thanh lý tài sản phá sản trong LPS năm 2014 được trao chủ thể hoạt động chuyên nghiệp với hai loại hình hành nghề là Quản tài viên hoặc doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán trong quá trình giải quyết phá sản.

Chủ thể thanh lý tài sản có vị trí quan trọng trong quá trình giải quyết phá sản. LPS 2014 quy định chủ thể quản lý, thanh lý tài sản là QTV, DNQLTLTS, đồng thời trao cho chủ thể này nhiều nhiệm vụ, quyền hạn quan trọng, xác định rõ trách nhiệm pháp lý trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Đây là một bước tiến quan trọng của pháp luật phá sản ở nước ta. Chế định này được xây dựng trên cơ sở tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của các nước trên thế giới, và sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước ta. QTV, DNQLTLTS thống kê, xác định những khoản nợ mà doanh nghiệp không còn khả năng thanh toán, phân chia tài sản đúng pháp luật cho các chủ nợ. Đây là chủ thể quản lý và thanh lý tài sản thực hiện quyền lực Nhà nước diễn ra trong suốt quá trình tổ tụng phá sản.

2.3.1 . Điều kiện hành nghề của QTV, DNQLTLTS

Quản tài viên: là chế định về các cá nhân hành nghề quản lý tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán trong quá trình giải quyết phá sản [36, k.7.Đ.4]. Để hành nghề Quản tài viên, các cá nhân cần phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- Có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức trách nhiệm, liêm khiết, trung thực, khách quan;
- Có chứng chỉ hành nghề Quản tài viên.

Tuy nhiên chỉ có những người sau mới được cấp chứng chỉ QTV:

- Luật sư
- Kiểm toán viên
- Người có trình độ cử nhân luật, kinh tế, kế toán, tài chính, ngân hàng và có kinh nghiệm 05 năm trở lên về lĩnh vực được đào tạo [36, Đ.12].

Tuy nhiên để được cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên, cá nhân phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện về hành nghề Quản tài viên và thực hiện đăng ký với cơ quan có thẩm quyền để được cấp chứng chỉ hành nghề này [39, Đ.4], [39, Đ.9].

Bên cạnh những quy định về điều kiện hành nghề Quản tài viên, LPS 2014 cũng quy định cụ thể về các cá nhân không được hành nghề Quản tài viên gồm:

- Cán bộ, công chức, viên chức; sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân.
- Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; người đã bị kết án nhưng chưa được xóa án tích; người đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.
- Người mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự [36, Đ.14].

Ngoài ra, người đã được cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên mà thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị thu hồi chứng chỉ hành nghề Quản tài viên:

- Là cán bộ, công chức, viên chức; sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân;

- Bị kết án và bản án đã có hiệu lực pháp luật;
- Bị thu hồi chứng chỉ hành nghề luật sư, kiểm toán viên;
- Bị thay đổi theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 46 của Luật này trong hai vụ việc phá sản trở lên.

Quản tài viên bị thu hồi chứng chỉ hành nghề Quản tài viên thì bị xóa tên khỏi danh sách Quản tài viên, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản [39, k.4.Đ.6]

Doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản là doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán trong quá trình giải quyết phá sản.

Để bảo vệ lợi ích của công chúng, loại hình doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản của DN, HTX mất khả năng thanh toán trong quá trình giải quyết phá sản theo LPS năm 2014 chỉ là doanh nghiệp tư nhân và công ty hợp danh. Đây là một trong số ít các đạo luật ở nước ta nhìn nhận chế độ trách nhiệm vô hạn của chủ doanh nghiệp tư nhân và thành viên hợp danh của công ty hợp danh là một trong những biện pháp ngăn ngừa rủi ro cho công chúng từ phía chủ doanh nghiệp.

Trên tinh thần đó LPS năm 2014 quy định điều kiện để doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản được như sau:

- Công ty hợp danh muốn hành nghề quản lý tài sản trong quá trình giải quyết phá sản phải có tối thiểu hai thành viên hợp danh là Quản tài viên và Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của công ty hợp danh đó phải là Quản tài viên;

Doanh nghiệp tư nhân muốn hành nghề quản lý tài sản trong quá trình

giải quyết phá sản phải có chủ doanh nghiệp là Quản tài viên, đồng thời là Giám đốc [36, k2. Đ.13].

Ngoài ra, chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản sẽ được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp [39, k.2.Đ.10]

Như vậy, việc lựa chọn cơ chế đăng ký Quản tài viên hay doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản sản đòi hỏi các QTV, DNQLTLTS ngoài việc có kiến thức chung về pháp luật, kinh doanh, tài chính, kế toán, cần thiết phải có kinh nghiệm, có kỹ năng chuyên môn để xác định doanh nghiệp có còn đủ khả năng tồn tại, tái cơ cấu và giám sát hoạt động của doanh nghiệp trong quá trình tái cơ cấu.

2.3.2. Quyền và nghĩa vụ của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý tài sản

Quyền và nghĩa vụ của QTV, DNQLTLTS trong quá trình giải quyết phá sản được quy định rõ ràng và cụ thể trong LPS 2014. Với tư cách là chủ thể quản lý, thanh lý tài sản, tham gia hầu hết các giai đoạn của quá trình tổ tụng phá sản, có thể chia ra các nhóm quyền và nghĩa vụ của QTV, DNQLTLTS, cụ thể sau:

Một là: Quản lý tài sản, giám sát hoạt động kinh doanh, thanh lý tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán. Bao gồm các hoạt động:

Xác minh, thu thập, quản lý tài liệu, chứng cứ liên quan đến hoạt động của DN, HTX mất khả năng thanh toán [36, Đ. 16]

Đây là quyền, nghĩa vụ của QTV, DNQLTLTS. Theo đó, QTV, DNQLTLTS phải thực hiện hoạt động xác minh, thu thập, quản lý tài liệu, chứng cứ liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán, tài sản nợ và giao dịch trước đây của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán, đặc biệt là những giao dịch diễn ra trong giai

đoạn 18 tháng trước khi Tòa án ra quyết định mở thủ tục phá sản, bởi đây là giai đoạn mà pháp luật quy định giao dịch của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán bị coi là vô hiệu. QTV, DNQLTLTS cũng phải thu thập tài liệu, thông tin, xem xét bất kỳ bên thứ ba nào đã giao dịch với con nợ, đặc biệt trong thời gian nêu trên để phát hiện giao dịch thuộc trường hợp bị tuyên bố vô hiệu để đề nghị Tòa án tuyên bố vô hiệu. Tuy nhiên, QTV, DNQLTLTS cũng phải bảo mật thông tin thu thập liên quan đến các mối quan hệ của doanh nghiệp, hợp tác xã có tính chất nhạy cảm về mặt thương mại, riêng tư hay liên quan đến các đối tác khác và do đó những thông tin này không được phép tiết lộ cho bên thứ ba nhằm đảm bảo những thông tin này không bị lợi dụng để gây thiệt hại cho các bên. Trường hợp những thông tin, tài liệu, chứng cứ mà QTV, DNQLTLTS không thể tự mình thu thập được thì có thể đề nghị Thẩm phán tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ.

Sau khi có quyết định mở thủ tục phá sản, DN, HTX vẫn tiếp tục hoạt động kinh doanh, nhưng phải chịu sự giám sát của Thẩm phán và QTV, DNQLTLTS. Trường hợp xét thấy người đại diện theo pháp luật của DN, HTX không có khả năng điều hành, DN, HTX có dấu hiệu vi phạm khoản 1 Điều 48 của Luật Phá sản năm 2014 thì Thẩm phán ra quyết định thay đổi người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, hợp tác xã đó theo đề nghị của Hội nghị chủ nợ hoặc Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản [36, Đ. 47].

- Lập bảng kê tài sản, danh sách chủ nợ, danh sách người mắc nợ

Quản tài viên lập bảng kê, danh sách chủ nợ, danh sách người mắc nợ theo quy định của pháp luật [36, Đ. 65. 66. 67]. Đây chính là hoạt động xây dựng, cập nhật thông tin, đính chính thông tin, kiểm tra độ chính xác của thông tin về tài sản, về chủ nợ, người mắc nợ. Quản tài viên thông báo cho Hội nghị chủ nợ tình hình kinh doanh, thực trạng tài chính của doanh nghiệp,

hợp tác xã mất khả năng thanh toán; kết quả kiểm kê tài sản, danh sách chủ nợ, danh sách người mắc nợ và các nội dung khác tại Hội nghị chủ nợ.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định mở thủ tục phá sản, doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán phải tiến hành kiểm kê tài sản và xác định giá trị tài sản đó; trong trường hợp cần thiết thì phải có văn bản đề nghị Thẩm phán gia hạn, nhưng không quá hai lần, mỗi lần không quá 30 ngày. Việc xác định giá trị tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã phải được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Trường hợp đại diện hợp pháp của doanh nghiệp, hợp tác xã vắng mặt thì người được Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản chỉ định làm đại diện của doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện công việc kiểm kê và xác định giá trị tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã. Bảng kiểm kê tài sản đã được xác định giá trị phải gửi ngay cho Tòa án nhân dân tiến hành thủ tục phá sản.

Trường hợp xét thấy việc kiểm kê, xác định giá trị tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã quy định tại khoản 1 Điều này là không chính xác thì Tòa án nhân dân yêu cầu Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản tổ chức kiểm kê, xác định lại giá trị một phần hoặc toàn bộ tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã. Giá trị tài sản được xác định, định giá theo giá thị trường tại thời điểm kiểm kê.

Trường hợp đại diện doanh nghiệp, hợp tác xã và những người khác không hợp tác về việc kiểm kê tài sản hoặc cố tình làm sai lệch việc kiểm kê tài sản thì bị xử lý theo quy định của pháp luật [36, Đ. 65].

Quản tài viên thực hiện tất cả các hoạt động cần thiết để bảo vệ tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán, ngăn chặn việc bán, chuyển giao tài sản mà không được phép của Thẩm phán; ngăn chặn việc tẩu tán tài sản. Quản tài viên có nghĩa vụ tối đa hóa giá trị tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã khi bán, thanh lý tài sản, bảo đảm tốt nhất quyền và lợi

ích của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán, của các chủ nợ, người lao động. Trường hợp phát hiện việc bán, chuyển giao tài sản mà không được phép của Thẩm phán; việc tẩu tán tài sản thì Quản tài viên đề nghị Thẩm phán tuyên bố giao dịch vô hiệu và quyết định thu hồi tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã bị bán hoặc chuyển giao bất hợp pháp.

Các biện pháp bảo toàn tài sản được quy định trong LPS 2014 bao gồm:

- Tuyên bố giao dịch vô hiệu [36, Đ.60]
- Tạm đình chỉ, đình chỉ thực hiện Hợp đồng đang có hiệu lực [36, Đ.61]
- Bù trừ nghĩa vụ [36, Đ.63]
- Gửi giấy đòi nợ [36, Đ.66]
- Lập danh sách chủ nợ [36, Đ.67]
- Lập danh sách người mắc nợ [36, Đ.68];
- Đăng ký giao dịch bảo đảm của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán
- Áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời [36, Đ.70]
- Giám sát hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định của pháp luật.
- Để thực hiện chức năng quản lý, thanh lý tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản LPS 2014 quy định Quản tài viên và doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản được quyền giám sát hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã. Theo đó, sau khi có quyết định mở thủ tục phá sản, doanh nghiệp, hợp tác xã phải báo cáo Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản trước khi thực hiện các hoạt động liên quan đến việc vay, cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, mua bán, chuyển nhượng, cho thuê tài sản; bán, chuyển đổi cổ phần; chuyển quyền sở hữu tài sản; chấm dứt thực

hiện hợp đồng có hiệu lực; thanh toán khoản nợ phát sinh sau khi mở thủ tục phá sản; trả lương cho người lao động trong doanh nghiệp, hợp tác xã. [36, Đ.49].

- Hình thức báo cáo gồm báo cáo trực tiếp, thư bảo đảm, thư thường, thư điện tử, fax, telex .Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của doanh nghiệp, hợp tác xã thì Quản tài viên có trách nhiệm trả lời cho doanh nghiệp, hợp tác xã việc được thực hiện hoặc không được thực hiện các hoạt động trên và phải chịu trách nhiệm về việc trả lời của mình. Quản tài viên phải báo cáo Thẩm phán về nội dung trả lời của mình. Trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện các hoạt động trên mà không có sự đồng ý của Quản tài viên thì bị đình chỉ thực hiện, khôi phục lại tình trạng ban đầu và giải quyết hậu quả theo quy định của pháp luật.

Hai là, thanh lý tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán.

Quản tài viên thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật khi thi hành quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản. Quản tài viên tổ chức việc định giá, thanh lý tài sản theo quy định tại các Điều 121, 122, 123, 124 Luật Phá sản năm 2014, gửi các khoản tiền thu được vào tài khoản do cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền mở tại ngân hàng và báo cáo cơ quan Thi hành án dân sự, thông báo đến người tham gia thủ tục phá sản có liên quan về việc giao cho tổ chức, cá nhân thực hiện việc thanh lý tài sản.

Như vậy, bên cạnh việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, giám sát việc sử dụng tài sản, Quản tài viên còn tham gia vào quá trình thanh lý tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã. Có thể nói Quản tài viên cùng với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản chịu trách nhiệm chính đối với tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán.

Ngoài ra, tại khoản 2, Điều 16 và khoản 2, Điều 47 LPS 2014 còn quy định Quản tài viên có quyền đại diện cho doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã không có người đại diện theo pháp luật. Trong trường hợp này Quản tài viên thực hiện các quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp, hợp tác xã trong quá trình thực hiện thủ tục phá sản, Quản tài viên được hưởng thù lao và thực hiện trách nhiệm bảo hiểm nghề nghiệp theo quy định của pháp luật. Để thực hiện được quy định này thì cần có quy định về bảo hiểm có trách nhiệm chi trả cho tổn hại gây ra bởi sự cầu thả của Quản tài viên khi thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình và chủ nợ được phép khởi kiện Quản tài viên đối với bất kỳ tổn hại nào gây ra bởi sự cầu thả của họ khi thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

Bên cạnh việc xác định rõ thẩm quyền của Quản tài viên trong việc thực hiện chức năng quản lý và thanh lý tài sản, Luật Phá sản và các văn bản hướng dẫn thi hành cũng quy định những hành vi Quản tài viên không được làm. Đó là những hành vi có ý gây thiệt hại hoặc có khả năng gây thiệt hại đối với các tổ chức, cá nhân tham gia giải quyết phá sản. Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phá sản về Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản quy định những hành vi bị nghiêm cấm đối với Quản tài viên bao gồm:

- Cho thuê, cho mượn hoặc cho cá nhân, tổ chức khác sử dụng chứng chỉ hành nghề Quản tài viên của mình để hành nghề quản lý, thanh lý tài sản;

- Gọi ý hoặc nhận bất kỳ một khoản tiền hoặc lợi ích vật chất từ người tham gia thủ tục phá sản hoặc lợi dụng danh nghĩa Quản tài viên để thu lợi từ cá nhân, tổ chức ngoài chi phí Quản tài viên được nhận theo quy định của pháp luật;

- Lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn để thông đồng với cá nhân, tổ chức nhằm mục đích vụ lợi;

- Tiết lộ thông tin về tổ chức, hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán mà Quản tài viên biết được trong khi hành nghề, trừ trường hợp được doanh nghiệp, hợp tác xã đồng ý bằng văn bản hoặc pháp luật có quy định khác;

- Các hành vi khác trái với quy định của pháp luật, Quy tắc đạo đức nghề nghiệp Quản tài viên.

2.3.3. Về trách nhiệm pháp lý của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản

Quản tài viên có nghĩa vụ tuân thủ nguyên tắc hành nghề quản lý, thanh lý tài sản, chịu trách nhiệm về hoạt động nghề nghiệp của mình theo quy định của pháp luật về phá sản. Nhằm đảm bảo Quản tài viên thực hiện đúng quyền hạn, nghĩa vụ của mình, ngăn chặn những hành vi vi phạm, gây thiệt hại cho các bên trong vụ việc phá sản, Luật Phá sản năm 2014 đã quy định trách nhiệm chung cũng như trách nhiệm cụ thể của Quản tài viên khi vi phạm pháp luật về phá sản. Điều 129 của Luật Phá sản 2014 quy định:

- Cá nhân, cơ quan, tổ chức có hành vi vi phạm pháp luật trong quá trình giải quyết vụ việc phá sản thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

- Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản có hành vi vi phạm pháp luật trong quá trình giải quyết vụ việc phá sản thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt hành chính; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật. Trường hợp Quản tài viên, cá nhân của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản vi phạm pháp luật hình sự thì có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật”.

Hành vi vi phạm của Quản tài viên có thể là thực hiện không đúng, không đầy đủ các nhiệm vụ mà pháp luật quy định Quản tài viên phải thực hiện như: Lập bảng kê tài sản không đúng tình hình thực tế; không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nhiệm vụ kiểm tra, giám sát việc sử dụng tài sản, để làm thất thoát tài sản của doanh nghiệp; không đề nghị Thẩm phán quyết định áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời để bảo toàn tài sản của doanh nghiệp trong những trường hợp cần thiết, để thất thoát tài sản của doanh nghiệp mắc nợ; lập danh sách chủ nợ, danh sách người mắc nợ sai sự thật; có hành vi làm thất thoát, hư hỏng tài sản của doanh nghiệp; không thực hiện đúng các quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản doanh nghiệp bị áp dụng thủ tục thanh lý tài sản; sử dụng trái phép tài sản của doanh nghiệp; lập báo cáo không trung thực về việc thực hiện các quyết định về phá sản.

Đó cũng có thể là những trường hợp Quản tài viên cố ý thực hiện các hành vi bị nghiêm cấm đã nêu ở trên như: Cho thuê, cho mượn hoặc cho cá nhân, tổ chức khác sử dụng chứng chỉ hành nghề Quản tài viên của mình để hành nghề quản lý, thanh lý tài sản; gợi ý hoặc nhận bất kỳ một khoản tiền hoặc lợi ích vật chất từ người tham gia thủ tục phá sản hoặc lợi dụng danh nghĩa Quản tài viên để thu lợi từ cá nhân, tổ chức ngoài chi phí Quản tài viên được nhận theo quy định của pháp luật; lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn để thông đồng với cá nhân, tổ chức nhằm mục đích vụ lợi...

Như vậy, Luật Phá sản năm 2014 đã quy định tương đối đầy đủ, toàn diện về một chủ thể mới, thực hiện chức năng quản lý, thanh lý tài sản ở Việt Nam, đó là thiết chế Quản tài viên. Với những quy định về chủ thể này, có thể nói Luật Phá sản năm 2014 đã tạo ra một nghề nghiệp mới - nghề quản lý, thanh lý tài sản ở Việt Nam. Vấn đề là ở chỗ chúng ta cần tiếp tục hoàn thiện thể chế, tạo hành lang pháp lý đồng bộ, cũng như có những giải

pháp quản lý, điều hành hiệu quả, tạo điều kiện để Quản tài viên thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình, góp phần phát huy hiệu lực, hiệu quả của Luật Phá sản trong thực tiễn, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước thời gian tới.

2.4. Thực trạng thực hiện các quy định của pháp luật về thanh lý tài sản phá sản

2.4.1. Trong công tác xét xử tại Tòa án

Qua thực tiễn áp dụng những quy định của pháp luật phá sản và thanh lý tài sản phá sản cho thấy việc giải quyết các yêu cầu tuyên bố phá sản DN, HTX tại Tòa án còn nhiều khó khăn. Vào năm 2013, sau 9 năm thi hành Luật phá sản 2004, thực tế xét xử tại Tòa án còn rất hạn chế. Qua tổng kết thi hành Luật Phá sản của 63 Tòa án nhân dân cấp tỉnh thì có 49 Tòa án có nhận đơn và giải quyết tổng số 336 đơn yêu cầu tuyên bố phá sản và 14 Tòa án không nhận đơn và giải quyết đơn yêu cầu tuyên bố phá sản gồm các Tòa án: Cao Bằng, Bắc Kạn, Điện Biên, Hà Giang, Hà Nam, Lào Cai, Ninh Thuận, Hòa Bình, Thái Nguyên, Bình Phước, Tuyên Quang, Hưng Yên, Kiên Giang, Lai Châu.

Trong tổng số 336 đơn yêu cầu tuyên bố phá sản, Tòa án đã ra 236 Quyết định mở thủ tục phá sản và trong đó ra 83 Quyết định tuyên bố phá sản. Trong 83 Quyết định tuyên bố phá sản có 07 trường hợp Tòa án ra Quyết định tuyên bố DN, HTX bị phá sản trong trường hợp đặc biệt (Điều 87 Luật Phá sản năm 2004). Có 153 vụ việc chưa ra Quyết định tuyên bố phá sản trong đó có 49 vụ việc có lý do chưa thu hồi được các khoản nợ của DN, HTX, chưa bán được các tài sản của DN, HTX [55,tr.4 -5].

So với tình hình thực hiện Luật Phá sản 2004 thì tình hình thụ lý và giải quyết yêu cầu mở thủ tục phá sản theo LPS 2014 đã được cải thiện. Tuy nhiên, hiệu quả của việc áp dụng các quy định pháp luật về phá sản nói chung

và các quy định về thanh lý tài sản phá sản nói riêng vẫn chưa được như mong muốn.

**THỐNG KÊ TÌNH HÌNH THỤ LÝ VÀ GIẢI QUYẾT
YÊU CẦU TUYÊN BỐ PHÁ SẢN**

TRÊN CẢ NƯỚC TÍNH ĐẾN HẾT NĂM 2016

(Số liệu do Vụ thống kê tổng hợp - Tòa án nhân dân tối cao thống kê)

Năm	Thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản	Trả lại đơn	Quyết định không mở thủ tục phá sản	Quyết định mở thủ tục phá sản	
				Tổng	Quyết định tuyên bố phá sản
2014	207	21	29	80	15
2015	202	8	39	64	15
2016	299	10	41	88	29

Tại một trong những trung tâm kinh tế lớn nhất nước ta là Hà Nội, kể từ khi LPS năm 2014 có hiệu lực đến nay cũng chỉ tiếp nhận số lượng đơn yêu cầu tuyên bố mở thủ tục phá sản rất ít. Cụ thể tại Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội trong 06 tháng đầu năm 2015, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội nhận 47 đơn yêu cầu tuyên bố phá sản doanh nghiệp (tăng 02 đơn = 4,4% so với cùng kỳ năm 2014), đã giải quyết 02 đơn, còn lại 45 đơn. Trong 06 tháng đầu năm 2016, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý 46 đơn yêu cầu tuyên bố phá sản doanh nghiệp (giảm 01 đơn so với cùng kỳ 2015), đã giải quyết 03 đơn, còn lại 43 đơn đang trong quá trình xem xét, giải quyết.

Qua thực tiễn trên cho thấy thực trạng áp dụng pháp luật phá sản nói chung và các quy định về thanh lý tài sản phá sản nói riêng đã phát sinh nhiều vấn đề:

- Tỷ lệ DN, HTX bị yêu cầu mở thủ tục phá sản còn ít, chưa phản ánh đúng thực trạng tài chính thực tế của các chủ thể kinh doanh. Luật phá sản 2014 đã phát huy tác dụng trong việc lành mạnh hoá môi trường hoạt động sản xuất, kinh doanh, khắc phục được một phần tình trạng nhiều doanh nghiệp trên thực tế đã mất khả năng thanh toán đáng lẽ phải chấm dứt hoạt động nhưng vẫn tồn tại, gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động của các doanh nghiệp khác như trước đây. Qua kết quả giải quyết phá sản của TAND cho thấy, đã có sự chuyển biến ngày càng tích cực trong việc thực thi Luật phá sản. Tuy nhiên, so với số lượng DN, HTX đang hiện hữu, thì tỷ lệ DN, HTX bị yêu cầu mở thủ tục phá sản là rất nhỏ, chưa phản ánh đúng tình trạng tài chính thực tế của các DN, HTX. Theo Cục quản lý đăng ký kinh doanh, Bộ Kế hoạch và đầu tư:

Năm 2014 cả nước có 74.842 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới. Trong đó số doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, chấm dứt hoạt động kinh doanh là 9.501 doanh nghiệp.

Năm 2015 cả nước có 94.754 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới. Trong đó số doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, chấm dứt hoạt động kinh doanh là 9.467 doanh nghiệp.

Năm 2016 cả nước có 136.789 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới và doanh nghiệp quay trở lại hoạt động. Trong đó số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh không đăng ký hoặc chờ giải thể của là 40.750 doanh nghiệp.

So sánh giữa số lượng doanh nghiệp đang hiện hữu và số doanh nghiệp mất khả năng thanh toán và yêu cầu mở thủ tục phá sản thấy rằng số doanh nghiệp mất khả năng thanh toán và yêu cầu mở thủ tục phá sản là rất nhỏ,

chưa phản ánh được tình trạng tài chính thực tế của các doanh nghiệp. Tình trạng doanh nghiệp hoạt động thua lỗ nhưng không được xử lý bằng thủ tục phá sản mà lại được xử lý bằng thủ tục giải thể, thu hồi nợ dân sự, thủ tục hành chính và các thủ tục khác vẫn còn phổ biến. Tình hình Tòa án các địa phương trên cả nước thụ lý vụ việc phá sản còn rất khiêm tốn. Từ khi LPS 2014 có hiệu lực đến nay đã hơn 2 năm nhưng ở các Tòa án địa phương việc giải quyết vụ việc phá sản và ra quyết định tuyên bố phá sản là rất ít. Năm 2014 Tòa án trên cả nước ra Quyết định tuyên bố phá sản 15 vụ, năm 2015 là 15 vụ và năm 2016 là 29 vụ.

- Thời gian giải quyết một vụ án phá sản kéo dài. Mặc dù LPS đã được ban hành từ khá sớm, nhưng ở hầu hết các tòa án địa phương việc giải quyết phá sản mới tiến hành đến việc ra quyết định mở thủ tục thanh lý tài sản, còn việc ra quyết định tuyên bố phá sản là rất ít, chủ yếu là quyết định tuyên bố DN, HTX bị phá sản trong trường hợp đặc biệt.

- Hiệu quả giải quyết phá sản còn kém. Số nợ phải thu thấp hơn số nợ phải trả, tỷ lệ thu hồi nợ rất thấp, các chủ nợ khó thu hồi được nợ từ giá trị còn lại của doanh nghiệp bị phá sản theo thứ tự ưu tiên thanh toán. Đây cũng là lý do các chủ nợ không muốn thực hiện quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, thay vào đó họ thực hiện quyền khởi kiện vụ án dân sự để đòi nợ theo thủ tục tố tụng dân sự sẽ hiệu quả hơn, vì nếu DN, HTX còn tài sản, thì khi thi hành án kết quả bán đấu giá tài sản không phải phân chia.

- Việc xử lý tài sản là bất động sản của doanh nghiệp bị phá sản gắn liền với đất còn nhiều khó khăn, nhất là đối với các doanh nghiệp có vốn nhà nước.

Thực trạng áp dụng pháp luật phá sản ở nước ta còn hạn chế, chưa đáp ứng được đòi hỏi của thực tế khách quan của nền kinh tế xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau trong đó nhận thức, quan niệm và cả tâm lý về phá sản doanh nghiệp trong xã hội còn chưa đúng và đầy đủ. Mặc dù thực tế rất

nhieu doanh nghiệp khó khăn, mất khả năng thanh toán nợ, nhưng rất hiếm khi doanh nghiệp hay chủ nợ tìm hiểu và giải quyết công nợ theo hướng chọn thủ tục tuyên bố phá sản. Hầu hết các chủ nợ đều đòi nợ doanh nghiệp thông qua việc khởi kiện dân sự. Còn doanh nghiệp thì chọn thủ tục giải thể hoặc thậm chí tự đóng cửa, trốn nợ. Trong bối cảnh như vậy, rõ ràng kiện đòi nợ và cả việc tiến hành thủ tục giải thể đều sẽ bế tắc, không có hướng giải quyết. Trong khi quyền lợi của các bên không gặp nhau và gây thiệt hại, lãng phí cho cả hai bên. Cần phải coi phá sản doanh nghiệp chính là lối thoát, giải phóng trách nhiệm và những “khối u” nợ nần, góp phần lành mạnh hóa môi trường kinh doanh.

2.4.2. Trong hoạt động của quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản

Theo thống kê của Cục Bổ trợ tư pháp, Bộ Tư pháp, thực hiện Nghị định số 22/2015/NĐ-CP, tính đến năm 2016, Bộ Tư pháp đã cấp Chứng chỉ hành nghề Quản tài viên cho 824 người có đủ điều kiện hành nghề thanh lý tài sản và 19 Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề thanh lý tài sản cho doanh nghiệp. Các Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản đã đăng ký hành nghề tại Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và có thể hành nghề trên toàn quốc.

Qua thực tiễn thi hành luật phá sản và thực hiện hoạt động thanh lý tài sản phá sản đối với DN, HTX mất khả năng thanh toán có thể rút ra một số nhận xét như sau:

Một là, việc cấp chứng chỉ cho QTV, DNQLTLTS và tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật về thanh lý tài sản còn ít. Theo thống kê của Bộ Tư pháp, tính đến năm 2016 Bộ Tư pháp đã cấp Chứng chỉ hành nghề Quản tài viên cho 824 người có đủ điều kiện hành nghề thanh lý tài sản và 19 Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề thanh lý tài sản cho doanh nghiệp. Hiện nay,

Quản tài viên đang là một ngành nghề mới, đầy triển vọng. Mặc dù đã nhận được sự quan tâm nhất định từ Bộ Tư pháp, Tòa án nhân tối cao và các cơ quan, tổ chức có liên quan nhưng số lượng cá nhân, tổ chức được cấp Chứng chỉ hành nghề QTV, DNQLTLTS còn rất hạn chế, cần phải được quan tâm hơn nữa trong thời gian tới.

Hai là, Chi phí Quản tài viên không được bảo đảm. Theo LPS 2014 và Nghị định số 22/2015/NĐ-CP, việc tính thù lao cho Quản tài viên được căn cứ theo tỷ lệ phần trăm tổng giá trị tài sản DN, HTX bị tuyên bố phá sản thu được sau khi thanh lý. Nhưng trong trường hợp doanh nghiệp phá sản, tài sản doanh nghiệp không còn tài sản thì chi phí Quản tài viên cũng không được bảo đảm.

Ba là: Luật Phá sản năm 2014 đã quy định chế định QTV, DNQLTLTS thay thế chế định Tổ quản lý, thanh lý tài sản để thực hiện nhiệm vụ quản lý, thanh lý tài sản của doanh nghiệp. Tuy nhiên, trong giai đoạn chuyển tiếp, một số Tổ quản lý, thanh lý tài sản đã được thành lập theo Luật Phá sản năm 2004 vẫn tiếp tục hoạt động theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 22/2015/NĐ-CP của Chính phủ. Cụ thể, đối với các yêu cầu mở thủ tục phá sản đã được Tòa án nhân dân thụ lý trước ngày 01/01/2015 mà đã thành lập Tổ quản lý, thanh lý tài sản theo Luật Phá sản năm 2004, nếu đến ngày 01/01/2015 mà Tổ quản lý, thanh lý tài sản chưa thực hiện xong nhiệm vụ, quyền hạn của mình thì Tổ quản lý, thanh lý tài sản tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đối với vụ việc phá sản đó.

Thực tế cho thấy, việc Tổ quản lý, thanh lý tài sản tiếp tục hoạt động gặp một số khó khăn, các thành viên thực hiện nhiệm vụ theo cơ chế kiêm nhiệm nên rất khó tham gia hoạt động thường xuyên của Tổ; việc xử lý tài sản ở các địa bàn khác khó khả thi, gây tổn kém kinh phí; các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động, kinh phí, thù lao của Tổ quản lý, thanh lý tài sản đang trong quá trình sửa đổi, thay thế. Trong khi đó, Điều 28 Nghị định số

22/2015/NĐ-CP cũng quy định, trường hợp Thẩm phán tiến hành thủ tục phá sản chỉ định được Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thì Tổ quản lý, thanh lý tài sản chấm dứt hoạt động và bị giải thể; Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản tiếp tục thực hiện nhiệm vụ quản lý, thanh lý tài sản đối với vụ việc đó.

2.5. Hạn chế, bất cập liên quan đến thanh lý tài sản phá sản

Luật Phá sản đã phát huy tác dụng trong việc lành mạnh hóa môi trường hoạt động sản xuất kinh doanh, khắc phục được một phần tình trạng nhiều doanh nghiệp trên thực tế đã không còn khả năng thanh toán nhưng vẫn tồn tại và gây ảnh hưởng xấu đến các doanh nghiệp khác. Tuy nhiên, khi thực hiện các quy định của Luật Phá sản 2014 cũng bộc lộ một số hạn chế, bất cập liên quan đến việc thi hành án quyết định tuyên bố phá sản.

2.5.1. Hạn chế, bất cập trong công tác thi hành án phá sản

Một là, hạn chế bất cập trong thẩm quyền thi hành quyết định tuyên bố phá sản.

Cụ thể, theo quy định của Điều 119 Luật Phá sản 2014 thì thẩm quyền thi hành quyết định tuyên bố phá sản được thực hiện theo quy định của Luật này, pháp luật về thi hành án dân sự và quy định khác của pháp luật có liên quan. Tại Điều 120 Luật Phá sản 2014 lại quy định về thủ tục thi hành quyết định tuyên bố phá sản. Việc quy định như vậy dẫn đến các Chấp hành viên khi được phân công tổ chức thi hành án đối với quyết định tuyên bố phá sản lúng túng và gặp khó khăn khi áp dụng các quy định pháp luật thể hiện trên.

Hai là, hạn chế, bất cập về thời hạn ra quyết định thi hành án.

Luật Phá sản 2014 và Luật Thi hành án dân sự đều quy định thẩm quyền tổ chức thi hành quyết định tuyên bố phá sản của Tòa án là của cơ quan thi hành án dân sự. Về thời hạn ra quyết định thi hành án tại khoản 2 Điều 36 LTHADS quy định thời hạn ra quyết định thi hành án đối với quyết định

tuyên bố phá sản là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định. Tuy nhiên, tại khoản 1 Điều 120 LPS 2014 quy định: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định tuyên bố phá sản, cơ quan thi hành án dân sự có trách nhiệm chủ động ra quyết định thi hành. Như vậy, thời hạn để cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định thi hành án đối với quyết định tuyên bố phá sản của Luật Thi hành án dân sự và LPS 2014 là không thống nhất với nhau.

Ba là, hạn chế, bất cập về quyền của người được thi hành án.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 3 LTHADS thì người được thi hành án là cá nhân, cơ quan, tổ chức được hưởng quyền, lợi ích trong bản án, quyết định được thi hành và người được thi hành án được hưởng các quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 7 LTHADS.

Như vậy, theo quy định tại khoản 2 Điều 3 LTHADS thì những “chủ nợ” trong danh sách chủ nợ tại quyết định tuyên bố phá sản của Tòa án là những người được thi hành án. Vậy những “chủ nợ” có được hưởng các quyền của người được thi hành án hay không và Chấp hành viên có phải thực hiện việc thông báo các quyết định về thi hành án và các văn bản khác liên quan đến việc thi hành án cho các chủ nợ hay không.

Bốn là, hạn chế, bất cập về trong việc định giá, định giá lại.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 122 LPS 2014 quy định: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định tuyên bố phá sản, QTV, DNQLTLTS phải tổ chức định giá tài sản theo quy định của pháp luật. Theo quy định này thì QTV, DNQLTLTS hoàn toàn chủ động trong việc định giá tài sản mà không phụ thuộc vào việc cơ quan thi hành án dân sự đã ra quyết định thi hành án cũng như việc Chấp hành viên có văn bản yêu cầu QTV, DNQLTLTS thực hiện việc thanh lý tài sản. Qua đó thấy rằng vai trò của Chấp hành viên trong lĩnh vực này là rất hạn chế.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 123 LPS 2014 quy định: việc định giá lại tài sản được thực hiện khi có vi phạm nghiêm trọng quy định tại Điều 122 của Luật này dẫn đến sai lệch kết quả định giá tài sản; khoản 2 Điều 17 Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định nếu phát hiện QTV, DNQLTLTS có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về phá sản, pháp luật về định giá tài sản dẫn đến sai lệch kết quả định giá tài sản, Chấp hành viên yêu cầu Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thực hiện việc định giá lại tài sản, trừ trường hợp QTV, DNQLTLTS đó bị thay đổi theo quy định tại khoản 1 và Khoản 2 Điều 18 của Nghị định này.

Như vậy, LPS 2014 đã thu hẹp các trường hợp định giá lại so với LTHADS, đồng nghĩa với nó là những chủ nợ (người được thi hành án) không có quyền yêu cầu việc định giá lại như quy định tại Điều 99 LTHADS, điều này có khả năng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người được thi hành án.

Năm là, hạn chế, bắt cập về bán đấu giá tài sản.

Tại khoản 2 Điều 17 Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản theo quy định tại Điểm d khoản 1 Điều này (Điểm d khoản 1 Điều này quy định QTV, DNQLTLTS báo cáo Chấp hành viên trong các trường hợp bán đấu giá tài sản không thành), Chấp hành viên quyết định việc thanh lý tài sản”. Tuy nhiên, LPS 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành đều không chỉ ra là khi thực hiện quyết định việc thanh lý tài sản thì Chấp hành viên làm thủ tục gì (ra quyết định giảm giá hay quyết định việc tiếp tục bán tài sản ...) dẫn đến khó khăn trong việc có tiếp tục bán đấu giá tài sản.

Sáu là, hạn chế, bắt cập về trình tự thủ tục khi Chấp hành viên thực hiện việc thanh lý tài sản.

Tại khoản 4 Điều 121 LPS 2014 quy định: Tài sản mà QTV, DNQLTLTS không thực hiện được việc thanh lý sau 02 năm kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của Chấp hành viên theo quy định tại khoản 2 Điều này thì QTV, DNQLTLTS phải chấm dứt việc thanh lý tài sản và bàn giao toàn bộ giấy tờ, tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản cho cơ quan thi hành án dân sự xử lý, thanh lý tài sản theo quy định của pháp luật.

Theo quy định trên, sau 02 năm kể từ ngày nhận được văn bản của Chấp hành viên yêu cầu QTV, DNQLTLTS thực hiện việc thanh lý tài sản mà tài sản chưa được thanh lý thì việc thanh lý tài sản được giao trở lại cho Chấp hành viên. Tuy nhiên, LPS 2014 chỉ quy định là cơ quan thi hành án dân sự xử lý, thanh lý tài sản theo quy định của pháp luật. Việc quy định chung chung như vậy dẫn đến cơ quan thi hành án dân sự gặp khó khăn trong việc tổ chức thi hành cụ thể là trong trường hợp này Chấp hành viên áp dụng các quy định của Pháp luật về phá sản hay Pháp luật về thi hành án để tiếp tục tổ chức việc thanh lý tài sản. cụ thể: trong trường hợp Chấp hành viên khi thực hiện việc thanh lý tài sản của Doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản thì có phải thực hiện việc ra quyết định kê biên theo quy định của LTHADS hay chỉ tiến hành định giá lại tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 123 .

Bấy là, Hạn chế, bất cập về chi phí thực hiện phá sản.

Tại Điều 21 Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định chi phí Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản được thanh toán từ giá trị tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán. Chi phí Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản bao gồm thù lao Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản và chi phí khác.

Như vậy, Nghị định trên mới chỉ quy định chi phí thực hiện phá sản trong trường hợp Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thực

hiện còn trong trường hợp Chấp hành viên thực hiện cưỡng chế để thu hồi tài sản, giao tài sản cho người mua được tài sản (theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 120 Luật Phá sản) và thực hiện việc thanh lý tài sản (theo quy định khoản 4 Điều 121 Luật Phá sản) thì chưa quy định rõ ai là người phải chi trả những chi phí trên. Mặt khác, theo quy định tại Điều 73 Luật thi hành án dân sự quy định về chi phí cưỡng chế đã quy định rõ trường hợp nào người phải thi hành án chịu, trường hợp nào người được thi hành án chịu và trường hợp nào thì ngân sách chịu. Tuy nhiên, đối với trường hợp thi hành quyết định tuyên bố phá sản thì không có người phải thi hành án, do đó, các chi phí khi Chấp hành viên thực hiện các công việc trên có được thanh toán từ giá trị tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán hay không là một vấn đề cần được giải quyết.

2.5.2. Hạn chế, bất cập về nhiệm vụ, quyền hạn, hoạt động của quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản

Do chế định QTV, DNQLTLTS còn quá mới nên không chỉ các QTV mà chính các thẩm phán cũng gặp không ít khó khăn, lúng túng trong việc áp dụng chế định này trong khi giải quyết vụ việc phá sản.

Một là, hạn chế về vai trò của QTV, DNQLTLTS trong quá trình tái tổ chức hoạt động của doanh nghiệp. Theo đó, QTV, DNQLTLTS chưa được trao một quyền hạn quan trọng đó là tiếp tục vận hành và quản lý hoạt động kinh doanh trong trường hợp tái tổ chức và trong trường hợp thanh lý nếu doanh nghiệp được bán nhưng vẫn tồn tại mà không bị giải thể, và trong trường hợp tái tổ chức, chuẩn bị và hỗ trợ chuẩn bị kế hoạch tái tổ chức hoặc báo cáo về lý do tại sao không thể thực hiện tái tổ chức (trong khi chức năng này do đại diện quản lý phá sản thực hiện).

Hai là, hạn chế về nhiệm vụ, quyền hạn của QTV, DNQLTLTS khi thực hiện nhiệm vụ bảo toàn tài sản.

Quản tài viên ngăn chặn việc bán, chuyển giao tài sản mà không được phép của Thẩm phán; ngăn chặn việc tẩu tán tài sản; tối đa hóa giá trị tài sản của doanh nghiệp khi bán, thanh lý tài sản như được thể hiện trong điểm c, khoản 1, Điều 16 LPS năm 2014. Trong kho đó theo khuyến nghị của OECD thì nhiệm vụ quyền hạn của QTV, DNQLTLTS rộng hơn. QTV được “thực hiện tất cả các bước cần thiết để bảo vệ và bảo quản tài sản của doanh nghiệp phá sản và hoạt động kinh doanh của con nợ, kể cả ngăn chặn việc bán tài sản trái phép và thực hiện quyền tránh các giao dịch trái phép trước khi phá sản (avoidance powers)”. Theo đó, quản tài viên phải được trao quyền áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời để ngăn chặn các giao dịch trái pháp luật hoặc chuyển giao tài sản trái phép.

Ba là, hạn chế về việc QTV, DNQLTLTS được đại diện cho DN, HTX.

Luật Doanh nghiệp 2014 không quy định QTV là thành phần đại diện cho doanh nghiệp. Nếu doanh nghiệp tiến hành Đại hội đồng cổ đông với nghị quyết khác, Quản tài viên có quyền đề nghị tòa hủy nghị quyết hay không và người thuê doanh nghiệp có được xác định là chủ nợ (hoặc con nợ) tham gia thủ tục phá sản hay không.

Ngoài ra, hiện nay theo quy định của LPS 2014 QTV, DNQLTLTS chỉ thực hiện việc đại diện cho DN, HTX trong trường hợp DN, HTX không có người đại diện theo pháp luật. Trong khi đó, theo khuyến nghị của OECD, ngay lập tức sau khi được chỉ định, Quản tài viên có tư cách đại diện cho tài sản của doanh nghiệp phá sản.

Bốn là, hạn chế trong việc tính thù lao, chi phí cho Quản tài viên.

Theo LPS 2014 và Nghị định 22/2015/NĐ-CP, việc tính thù lao cho QTV như sau: Giờ làm việc của QTV, mức thù lao trọn gói, mức thù lao tính theo tỷ lệ phần trăm tổng giá trị tài sản DN, HTX bị tuyên bố phá sản thu được sau khi thanh lý. Với cách tính thù lao theo giờ làm việc, pháp luật chưa

quy định rõ ràng về cách tính giờ làm việc của Quản tài viên cho hợp lý, công bằng cho cả bên Quản tài viên và bên doanh nghiệp bị phá sản. Khối lượng công việc mà các Quản tài viên làm là rất lớn, nhưng quy định thù lao lại chưa tương xứng. Và trong trường hợp doanh nghiệp phá sản, tài sản doanh nghiệp không còn tài sản thì chi phí Quản tài viên cũng không được bảo đảm, nhiều khi Quản tài viên phải tự bỏ tiền túi ra, mà khả năng được bồi hoàn thấp.

Năm là, hạn chế trong việc chỉ định Quản tài viên.

Căn cứ đề Thẩm phán chỉ định QTV, DNQLTLTS được dựa trên đề xuất chỉ định QTV, DNQLTLTS của người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản [36, Đ.45]. Trong trường hợp Thẩm phán thấy rằng QTV, DNQLTLTS không phù hợp với tiêu chí thì sẽ xử lý như thế nào, Thẩm phán tự chỉ định hay phải dựa trên đề xuất của người nộp đơn yêu cầu cũng là vấn đề còn chưa được pháp luật phá sản quy định cụ thể, rõ ràng.

LPS 2014 mới thi hành được hành được một thời gian ngắn, tuy nhiên thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật phá sản đã bộc lộ một số bất cập, hạn chế cần được hoàn thiện thêm trong thời gian tới.

2.5.3. Hạn chế trong lĩnh vực phá sản các tổ chức tín dụng

Liên quan đến chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản trong việc phá sản TCTD còn các vấn đề Luật Phá sản 2014 chưa làm rõ đó là khả năng tham gia của tổ chức bảo hiểm tiền gửi vào việc thanh lý tài sản. Với tính chất là một cơ quan giám sát hoạt động huy động vốn và thanh toán cho người gửi tiền, tổ chức BHTG không chỉ là chủ thể có đầy đủ thông tin về TCTD đang tiến hành thủ tục phá sản mà đây cũng là tổ chức có nghiệp vụ chuyên môn về lĩnh vực ngân hàng để giúp hỗ trợ cho quá trình xử lý tài sản phá sản. Luật Phá sản 2014 đã không đề cập đến bảo hiểm tiền gửi là chưa tận dụng được năng lực sẵn có của tổ chức bảo hiểm tiền gửi. Chắc hẳn sẽ là hoàn toàn hợp lý nếu tổ chức

bảo hiểm tiền gửi được trao quyền tham gia với tư cách là người đại diện cho chủ nợ là những người gửi tiền trong vụ phá sản khi các chủ nợ là người gửi tiền.

Kết luận Chương 2

Pháp luật về thanh lý tài sản phá sản là một bộ phận không thể thiếu được hệ thống pháp luật phá sản. Qua nghiên cứu các quy định của pháp luật về thanh lý tài sản phá sản có thể đưa ra được những nhận xét sau đây:

1. Các quy định của pháp luật về thanh lý tài sản phá sản là tương đối đầy đủ, chi tiết, bao gồm các căn cứ áp dụng thẩm quyền thi hành quyết định tuyên bố phá sản, chủ thể tiến hành thanh lý tài sản, cách xử lý tài sản phá sản. Việc xây dựng các quy định pháp luật về thanh lý tài sản phá sản thực chất để đảm bảo chủ nợ có thể đòi được số nợ nhiều nhất có thể.

2. Thủ tục thanh lý tài sản phá sản được áp dụng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản. Bên cạnh đó, thủ tục thanh lý tài sản phá sản cũng được áp dụng trong trường hợp đặc biệt đối với các tổ chức tín dụng. Đây là quy định mới của Luật phá sản 2014, tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho việc phá sản các tổ chức tín dụng ở Việt Nam hiện nay.

3. Việc áp dụng các quy định của pháp luật phá sản nói chung và pháp luật về thanh lý tài sản nói riêng đã đạt được những kết quả nhất định trong thực tế. Tuy nhiên, thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật trong lĩnh vực này cũng bộc lộ một số hạn chế, bất cập cần được bổ sung, hoàn thiện trong thời gian tới. Tác giả đã phân tích, đánh giá thực trạng áp dụng các quy định pháp luật về thanh lý tài sản phá sản, đồng thời cũng chỉ ra được những hạn chế khiến cho việc áp dụng pháp luật chưa đạt hiệu quả như mong muốn trong thực tế, làm cơ sở cho các phân tích nhằm hoàn thiện pháp luật về lĩnh vực này trong Chương 3 của Luận văn.

CHƯƠNG 3

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ THANH LÝ TÀI SẢN PHÁ SẢN

3.1. Phương hướng hoàn thiện các quy định của pháp luật về thanh lý tài sản phá sản

Thông qua những phân tích, đánh giá về vấn đề lý luận về phá sản nói chung và thủ tục thanh lý tài sản nói riêng, thực trạng pháp luật về trình tự, thủ tục thanh lý tài sản phá sản, vai trò của cơ chế thanh lý tài sản phá sản, nêu ra được các hạn chế trong việc thực hiện các quy định pháp luật hiện hành về thanh lý tài sản phá sản, có thể đưa ra một số phương hướng trong việc hoàn thiện pháp luật về thanh lý tài sản phá sản như:

Một là, thể chế hóa kịp thời đường lối chủ trương của Đảng và Nhà nước trong việc hoàn thiện pháp luật phá sản nói chung và những quy định pháp luật về thủ tục thanh lý tài sản phá sản nói riêng. Việc hoàn thiện các quy định về Luật phá sản nói chung phải đảm bảo phù hợp với Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam, bám sát Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013-2020 của Chính phủ trên cơ sở tôn trọng, bảo đảm thực hiện bình đẳng quyền và nghĩa vụ của mọi cá nhân, cơ quan, tổ chức khi tham gia vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật về phá sản nhằm góp phần hoàn thiện môi trường pháp lý cho hoạt động kinh doanh lành mạnh, trở thành công cụ để Nhà nước quản lý một cách có hiệu quả nền kinh tế, phát huy được những nhân tố tích cực, hạn chế và kiểm soát được các hoạt động tiêu cực.

Hai là, việc hoàn thiện các quy định pháp luật về phá sản phải bảo đảm tính kế thừa và phát triển các quy định của pháp luật phá sản của Việt Nam, tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của Luật Phá sản với hệ thống pháp

luật, phù hợp với thực tiễn nền kinh tế đất nước trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế.

Ba là, trong thời gian qua LPS và các văn bản pháp luật có liên quan đã được triển khai có hiệu quả trên thực tế. Do đó cần phải tiếp tục khẳng định ý nghĩa, vai trò của các quy định pháp luật đó, đặc biệt là những quy định về thanh lý tài sản phá sản trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Mục tiêu của Luật Phá sản là nhằm hạn chế đến mức thấp nhất những hậu quả do phá sản gây ra, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia quan hệ kinh tế trước những rủi ro trong kinh doanh và thông qua đó góp phần ổn định trật tự đời sống xã hội.

Bốn là, việc xây dựng và hoàn thiện các quy định của pháp luật về phá sản, trong đó có vấn đề thanh lý tài sản phải xuất phát từ yêu cầu phát sinh từ thực tế.

Năm là, phải bảo đảm cụ thể hoá và không có sự xung đột giữa các quy định của Luật Phá sản với các quy định của các điều ước quốc tế mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Nghiên cứu, tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế, đáp ứng các yêu cầu của thực tiễn đời sống xã hội của đất nước trong quá trình hội nhập quốc tế.

Sáu là, bảo đảm tính khả thi của các quy định của Luật Phá sản với điều kiện, tình hình kinh tế đất nước trong giai đoạn phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; bảo đảm trình tự và thủ tục giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản dân chủ, công khai, nhanh gọn, công bằng, thuận lợi; đề cao vai trò, trách nhiệm của cá nhân, cơ quan, tổ chức trong quá trình giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản. Bảo đảm cơ chế phục hồi DN, HTX bị lâm vào tình trạng phá sản theo chủ trương tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển

đổi mô hình tăng trưởng cho DN, HTX có khả năng phục hồi hoạt động sản xuất kinh doanh, thoát khỏi tình trạng thua lỗ, phá sản.

Bảy là, trong quá trình giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản, Tòa án tạo điều kiện thuận lợi nhất để các bên có thể thoả thuận với nhau về việc giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản theo quy định của pháp luật phá sản.

Tám là, thực tiễn thi hành Luật phá sản và các văn bản có liên quan đến phá sản đã bộc lộ những hạn chế, gây ra những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn. Do đó, trong quá trình hoàn thiện pháp luật phá sản cần phải khắc phục những tồn tại đó để các văn bản pháp luật về phá sản đảm bảo được thực thi có hiệu quả trên thực tế.

3.2. Các giải pháp cụ thể nhằm hoàn thiện pháp luật về thanh lý tài sản phá sản

3.2.1. Tổ chức đào tạo về nghiệp vụ thanh lý tài sản trước khi cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên

Theo quy định tại Điều 12 của LPS thì luật sư, kiểm toán viên và người có trình độ cử nhân luật, kinh tế, tài chính, ngân hàng và có thời gian công tác từ 05 năm trở lên trong lĩnh vực được đào tạo thì được cấp Chứng chỉ hành nghề Quản tài viên. LPS không có quy định về đào tạo nghề thanh lý tài sản trước khi được cấp Chứng chỉ hành nghề Quản tài viên. Do đó, không có cơ sở pháp lý để thực hiện việc đào tạo nghề bắt buộc trước khi cấp Chứng chỉ hành nghề Quản tài viên.

Trong thời gian tới, cần phải có những giải pháp phù hợp hơn trong việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng của đội ngũ Quản tài viên.

3.2.2. Tăng cường tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật về thanh lý tài sản

Trong thời gian qua, Bộ Tư pháp đã chủ trì, phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật và kỹ năng hành nghề thanh lý tài sản cho các Quản tài viên mới được cấp Chứng chỉ hành nghề. Đồng thời đã tổ chức các lớp bồi dưỡng kỹ năng hành nghề chuyên sâu về phục hồi doanh nghiệp phá sản cho đội ngũ Quản tài viên.

Tại các lớp tập huấn, bồi dưỡng, các chuyên gia là Quản tài viên của Hiệp hội Quản tài viên quốc tế, các chuyên gia Việt Nam có kinh nghiệm trong việc giải quyết vụ việc phá sản đã chia sẻ, cung cấp các kiến thức pháp luật cơ bản và kỹ năng hành nghề cho đội ngũ Quản tài viên mới được hình thành ở Việt Nam. Quản tài viên hứa hẹn sẽ là ngành nghề đầy triển vọng trong thời gian tới. Tuy nhiên nếu chỉ chú trọng vào lợi nhuận thì Quản tài viên sẽ dễ mắc phải sai lầm trong quá trình thanh lý tài sản của doanh nghiệp bị phá sản. Vì vậy vấn đề đạo đức của quản tài viên được đặt lên hàng đầu. Trong nền kinh tế thị trường đang phát triển ở Việt Nam, đội ngũ Quản tài viên trong tương lai sẽ có nhiều thách thức cũng như cơ hội mới.

Vì vậy trong thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan tăng cường tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ Quản tài viên.

3.2.3. Tăng cường công tác quản lý nhà nước trong hoạt động của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản

Xây dựng văn bản hướng dẫn cụ thể về các điều kiện, tiêu chí đối với Quản tài viên. Trong đó đơn giản hóa thủ tục hành chính về cấp thẻ Quản tài viên, thẩm tra hồ sơ cấp Chứng chỉ hành nghề quản tài viên theo quy định của pháp luật. Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia đối với Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản.

3.2.4. Sớm ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện Nghị định số 22/2015/NĐ-CP của chính phủ

Qua thực tiễn triển khai Nghị định, các vấn đề được quy định trong nghị định số 22/2015/NĐ-CP đã cụ thể, rõ ràng. Tuy nhiên, Nghị định 22/2015/NĐ-CP mới chỉ quy định chi phí thực hiện phá sản trong trường hợp QTV, DNQLTLTS thực hiện còn trong trường hợp Chấp hành viên thực hiện cưỡng chế để thu hồi tài sản, giao tài sản cho người mua được tài sản thì chưa quy định rõ ai là người phải chi trả những chi phí trên.

Ngoài ra, trong lĩnh vực bán đấu giá tài sản, tại Điều 17 Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định Chấp hành viên quyết định việc thanh lý tài sản trong các trường hợp đấu giá không thành. Tuy nhiên, LPS 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành đều không chỉ ra là khi thực hiện quyết định việc thanh lý tài sản thì Chấp hành viên cần phải làm thủ tục gì, chính điều này đã dẫn đến khó khăn trong việc có tiếp tục bán đấu giá tài sản.

Do đó cũng cần thiết phải ban hành Thông tư hướng dẫn thi hành quy định của Nghị định số 22/2015/NĐ-CP để giải quyết những vấn đề trên.

3.2.5. Xây dựng cơ chế phối hợp giữa Tòa án, Viện kiểm sát, cơ quan thi hành án dân sự, ngân hàng, Quản tài viên và doanh nghiệp hành nghề thanh lý tài sản trong hoạt động quản lý, thanh lý tài sản

Ngày 08/10/2015, Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành Thông tư số 01/2015/TT-CA quy định về quy chế làm việc của các tổ thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ việc phá sản. Trong đó có quy định cơ chế phối hợp giữa Tổ Thẩm phán với Viện Kiểm sát nhân dân, kiểm sát viên, cơ quan thi hành án dân sự, chấp hành viên, quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản. Ngoài ra, ngày 28/6/2016 Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐTP hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật phá sản. Trong thời gian tới Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao phối hợp với các Bộ, ngành liên quan nghiên cứu xây dựng Thông tư

liên tịch để hướng dẫn các quy định liên quan đến thủ tục thi hành quyết định tuyên bố phá sản.

3.2.6. Tòa án nhân dân tối cao cần sớm ban hành hướng dẫn về việc chỉ định quản tài viên

Hiện nay, theo quy định của LPS, trong thời hạn ba ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định mở thủ tục phá sản, thẩm phán có trách nhiệm chỉ định QTV, DNQLTLTSA [36, k.1. Đ.45]. Như vậy quy định về việc đề xuất chỉ định quản tài viên của người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản đã không tôn trọng quyền tự quyết của người nộp đơn [36, k.2. Đ.45]. Trong một số trường hợp khi chủ nợ nộp đơn đề nghị mở thủ tục phá sản và kèm theo đó là danh sách QTV đề nghị tòa án chỉ định. Tuy nhiên, chủ nợ đó nhận được thông báo thụ lý phá sản mà tòa án gửi thì lại thấy tòa án chỉ định một QTV khác không nằm trong danh sách mà QTV mà chủ nợ yêu cầu.

Do đó, trong thời gian tới, Tòa án nhân dân tối cao phối hợp với các cơ quan có liên quan cần ban hành hướng dẫn về việc chỉ định QTV theo hướng: chỉ có những QTV có tên trong danh sách do Sở Tư pháp tỉnh cung cấp để đảm bảo tính pháp lý, tiêu chuẩn, năng lực của QTV và ưu tiên những QTV đã được chỉ định theo yêu cầu của người nộp đơn đề nghị mở thủ tục phá sản hoặc của chủ nợ trong vụ án phá sản.

3.2.7. Thành lập tổ chức nghề nghiệp cho các Quản tài viên

Trong bối cảnh nền kinh tế ngày càng phát triển ở Việt Nam, Quản tài viên là một ngành nghề mới, đầy triển vọng. Ngoài việc doanh nghiệp mất khả năng thanh toán ở trong phạm vi trong nước, còn có doanh nghiệp mất khả năng thanh toán có yếu tố nước ngoài. Đây là trường hợp phá sản xuyên biên giới. Vì vậy sẽ phát sinh vấn đề hợp tác quốc tế cho đội ngũ Quản tài viên và sự hỗ trợ của Tổ chức Quản tài viên Quốc tế. Do đó vấn đề cấp thiết được đặt ra đó là cần phải có một tổ chức nghề nghiệp cho các Quản tài viên,

có thể lấy tên gọi là Hiệp hội Quản tài viên Việt Nam. Thông qua đó tạo tính kết nối nhằm đảm bảo cơ chế và quyền lợi cho các Quản tài viên hoạt động.

3.2.8. Cần xây dựng luật văn bản pháp luật chuyên ngành về phá sản tổ chức tín dụng bên cạnh các quy định chung về phá sản doanh nghiệp

Hiện nay ở Việt Nam, Luật phá sản cũng được sử dụng để giải quyết phá sản các TCTD, với một số các quy định, hướng dẫn có tính đặc thù. Trong bối cảnh các TCTD ngày càng phát triển về số lượng và mức độ cạnh tranh cao thì nhu cầu có hệ thống văn bản pháp luật làm cơ sở pháp lý cho việc giải quyết phá sản các TCTD hữu hiệu.

3.2.9. Rà soát các đạo luật có quy định liên quan đến thanh lý tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản để sửa đổi, bổ sung một cách đồng bộ, thống nhất

Các quy định của pháp luật phá sản ở nước ta hiện nay khi điều chỉnh các vấn đề liên quan đến phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã là tương đối đầy đủ. Ngoài Luật phá sản thì việc xử lý tài sản phá sản của doanh nghiệp phá sản còn được quy định trong các văn bản khác như: Bộ luật dân sự, Luật doanh nghiệp, Luật đất đai, Luật thi hành án dân sự và các văn bản qui phạm pháp luật hướng dẫn thi hành. Tuy nhiên, trong thực tế việc áp dụng các quy định của pháp luật về phá sản để giải quyết các trường hợp phá sản cụ thể vẫn còn bị hạn chế, chồng chéo, mâu thuẫn giữa các văn bản pháp luật. Để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật thì thời gian tới cần phải rà soát để sửa đổi, bổ sung các đạo luật có liên quan trong vấn đề này, phù hợp với Hiến pháp 2013 và tình hình kinh tế- xã hội của nước ta. Cụ thể:

- Đối với Luật Doanh nghiệp: Đây là đạo luật có vai trò mật thiết đối với Luật phá sản. Đối với việc xử lý tài sản phá sản của doanh nghiệp trong LDN hiện nay vẫn còn có quy định chưa tương thích với LPS. Theo quy định của LPS, tất cả các cổ đông đều thuộc cùng một thứ tự ưu tiên thanh toán. Do

vậy tất cả các cổ đông đều đượng nhận giá trị tài sản còn lại của công ty cùng lúc và theo tỷ lệ sở hữu cổ phần. Trong khi đó theo quy định của LDN, cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi lại có cơ sở pháp lý tương đối rõ ràng để được nhận thanh toán trước các cổ đông khác. Vì vậy trong thời gian tới, cần phải có sự thống nhất về vấn đề này để giải quyết tài sản khi doanh nghiệp phá sản một cách hợp lý.

- Đối với Luật thi hành án dân sự: Cơ quan Thi hành án dân sự có vai trò quan trọng trong quá trình tiến hành thủ tục phá sản và thi hành các quyết định của Tòa án giải quyết phá sản. Tuy nhiên hiện nay vẫn còn những hạn chế liên quan đến thẩm quyền thi hành quyết định tuyên bố phá sản; về thời hạn ra quyết định thi hành án; về quyền của người thi hành án; về định giá, định giá lại; về bán đấu giá tài sản; về trình tự thủ tục khi Chấp hành viên tiến hành việc thanh lý tài sản; về chi phí phá sản. Từ những hạn chế, bất cập đó, các cơ quan có thẩm quyền trong thời gian tới cần rà soát, sửa đổi LPS và LTHADS và các văn bản hướng dẫn thi hành để đảm bảo việc áp dụng pháp luật được hiệu quả hơn.

- Đối với Luật đất đai: Đất đai là lĩnh vực hết sức phức tạp. Liên quan đến việc xử lý tài sản phá sản của doanh nghiệp liên quan đến quyền sử dụng đất, LDD và LPS vẫn còn có những quy định chưa đồng bộ. Trong trường hợp giao đất không thu tiền sử dụng đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho doanh nghiệp thuê đất hàng năm, các thu hồi đất liên quan đến quan đến những trường hợp này để giải tỏa vướng mắc cho trường hợp xử lý tài sản có liên quan đến quyền sử dụng đất, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên, nhất là đối với các doanh nghiệp mất khả năng thanh toán có vốn nhà nước.

Kết luận Chương 3

Luật phá sản đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế thị trường, góp phần trong việc điều chỉnh các quan hệ kinh tế. Tuy nhiên, trong thực tiễn áp dụng vẫn còn một số điểm bất cập, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển của nền kinh tế quốc gia. Với mong muốn tăng cường hiệu quả khi áp dụng pháp luật phá sản trong thực tế, tác giả đã đưa ra một số đề xuất kiến nghị nhằm sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện pháp luật về thanh lý tài sản phá sản. Đó là:

1. Tổ chức đào tạo về nghiệp vụ thanh lý tài sản trước khi cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên
2. Tăng cường tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật về thanh lý tài sản
3. Tăng cường công tác quản lý nhà nước trong hoạt động của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản
4. Sớm ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện Nghị định số 22/2015/NĐ-CP của chính phủ
5. Xây dựng cơ chế phối hợp giữa Tòa án, Viện kiểm sát, cơ quan thi hành án dân sự, ngân hàng, Quản tài viên và doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản trong hoạt động thanh lý tài sản
6. Tòa án nhân dân tối cao cần sớm ban hành hướng dẫn về việc chỉ định quản tài viên
7. Thành lập tổ chức nghề nghiệp cho các Quản tài viên
8. Cần xây dựng luật văn bản pháp luật chuyên ngành về phá sản tổ chức tín dụng bên cạnh các quy định chung về phá sản doanh nghiệp.
9. Rà soát các đạo luật có quy định liên quan đến thanh lý tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản để sửa đổi, bổ sung một cách đồng bộ, thống nhất.

Trong bối cảnh nước ta đang bước vào giai đoạn hội nhập với nền kinh tế thế giới, pháp luật phá sản đóng vai trò quan trọng trong việc điều chỉnh các mối quan hệ kinh tế. Các doanh nghiệp ở nước ta hoạt động trong môi trường kinh doanh ngày càng cạnh tranh khốc liệt, vấn đề phá sản đang đặt ra cho nền kinh tế những thách thức lớn. Vì vậy, với mong muốn pháp luật phá sản nói chung có thể đáp ứng được yêu cầu của nền kinh tế, tác giả đã đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật ở nước ta và nâng cao hiệu quả áp dụng trong đời sống kinh doanh. Tác giả mong muốn những kiến nghị mà tác giả đưa ra sẽ góp phần hoàn thiện hơn các quy định của pháp luật về thanh lý tài sản phá sản trong thời gian tới.

KẾT LUẬN

Luật phá sản được coi là phương tiện giúp các doanh nghiệp làm ăn thua lỗ rút khỏi thị trường, hạn chế những thiệt hại cho các chủ nợ, người lao động và cho bản thân doanh nghiệp có được những cơ hội mới trong thị trường. Cạnh tranh khốc liệt có thể dẫn doanh nghiệp đến phá sản và phá sản là một sự sàng lọc khốc liệt nhưng có vai trò tích cực làm lành mạnh nền kinh tế. Trước đây chủ yếu các vụ việc phá sản thường chỉ xảy ra ở khối các doanh nghiệp dân doanh. Việc phá sản một doanh nghiệp nhà nước là không có bởi tính chất phức tạp của loại hình doanh nghiệp này. Tuy nhiên, sự kiện Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội chấp nhận đơn của Công ty TNHH MTV vận tải viễn dương - Vinashinlines thuộc Tổng công ty Hàng hải - Vinalines yêu cầu được phá sản, hay như mới đây Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định mở thủ tục phá sản đối với Công ty Cổ phần bất động sản xây lắp dầu khí Việt Nam - PVC Land thuộc Tổng Công ty cổ phần xây lắp dầu khí Việt Nam đã kéo hồi chuông cảnh báo cho các doanh nghiệp nhà nước làm ăn kém hiệu quả, thua lỗ phải cạnh tranh quyết liệt theo đúng quy luật khách quan của nền kinh tế thị trường.

Thủ tục phá sản bản chất là một thủ tục thanh toán nợ tập thể. Pháp luật phá sản với tư cách là công cụ để nhà nước quản lý và điều tiết nền kinh tế đã phát huy được vai trò của nó trong nền kinh tế quốc gia. Luật phá sản đã góp phần bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của chủ nợ, con nợ và người lao động. Thông qua đó góp phần thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh, lành mạnh hóa nền kinh tế, đảm bảo trật tự và an toàn xã hội. Mặc dù Luật phá sản và vấn đề thanh lý tài sản phá sản của doanh nghiệp, hợp tác xã đã có những bước tiến mới, khắc phục được những hạn chế, bất cập so với các quy định trước đây như thủ tục phá sản được rõ ràng hơn, tăng cường các biện pháp bảo toàn tài sản hơn. Tuy nhiên Luật phá sản mới được ban hành nên khi triển

khai trên thực tế gặp nhiều khó khăn, lúng túng. Nhất là trong vấn đề thanh lý tài sản phá sản vẫn còn chưa hiệu quả, tỷ lệ doanh nghiệp yêu cầu mở thủ tục phá sản còn ít, chưa phản ánh được tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Do Luật phá sản mới được ban hành trong thời gian chưa lâu nên việc triển khai trên thực tế chưa được kiểm chứng nhiều. Tuy nhiên, trong khả năng và điều kiện nghiên cứu của mình, tác giả cũng đã giải quyết được một số vấn đề cơ bản như sau:

Một là, giải quyết một số vấn đề lý luận cơ bản của thủ tục thanh lý tài sản phá sản. Trong đó đi sâu phân tích một số khái niệm về phá sản, mất khả năng thanh toán, thủ tục phá sản các căn cứ để áp dụng thủ tục, chủ thể tiến hành thanh lý tài sản, cách thức xử lý tài sản phá sản.

Hai là, làm sáng tỏ các quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến lĩnh vực thanh lý tài sản phá sản. Luận văn phân tích rõ đối tượng bị áp dụng thủ tục thanh lý tài sản, đó là DN, HTX. Trong đó luận văn đi sâu phân tích các căn cứ áp dụng thủ tục thanh lý tài sản phá sản, thời hạn ra quyết định thi hành quyết định tuyên bố phá sản, thủ tục thanh lý tài sản vai trò, vai trò, thẩm quyền của các chủ thể tham gia vào quá trình thanh lý tài sản phá sản theo quy định của pháp luật. Trong đó đặc biệt nhấn mạnh vai trò của QTV, DNQLTLTS, một chủ thể có vai trò đặc biệt quan trọng trong quá trình quản lý và thanh lý tài sản của DN, HTX bị phá sản. Ngoài ra, các bước tiến hành xử lý tài sản, phân chia tài sản phá sản của DN, HTX cũng được tác giả phân tích một cách đầy đủ và chi tiết tại Chương 2 của luận văn. Ngoài ra Luận văn cũng chỉ ra được ngoài DN, HTX đối tượng áp dụng thủ tục thanh lý tài sản phá sản còn có các tổ chức tín dụng. Đây là trường hợp đặc biệt trong tiến hành thủ tục thanh lý tài sản phá sản.

Ba là, luận văn đã đi sâu phân tích và đánh giá tình hình áp dụng pháp luật phá sản trong lĩnh vực thanh lý tài sản phá sản. Trên cơ sở những đánh

giá nhận xét đó, luận văn đã chỉ ra được những hạn chế, bất cập, khó khăn, vướng mắc khi áp dụng pháp luật về vấn đề này trong thực tế.

Bốn là, trên cơ sở phân tích những hạn chế bất cập trong công tác áp dụng pháp luật phá sản ở Việt Nam, tác giả đã đưa ra một số đề xuất về phương hướng, đưa ra các giải pháp cụ thể để nhằm sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực thanh lý tài sản phá sản. Trong đó có những giải pháp mang tính thời sự như tăng cường công tác đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ Quản tài viên, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản; giải quyết vấn đề vướng mắc trong cơ chế phối hợp liên ngành...

Luật phá sản 2014 là một tiến bộ lớn trong công tác lập pháp nói riêng và nền khoa học pháp lý nói chung. Luật phá sản ra đời không chỉ đáp ứng được đòi hỏi của tình hình thực tế, mà còn chứng minh được tính thời sự của vấn đề này trong nền kinh tế thị trường. Trong điều kiện nền kinh tế thị trường và tiến tới hội nhập quốc tế sâu rộng ở nước ta, đòi hỏi các nhà làm luật cần nhanh nhạy đổi mới, nắm bắt tình hình thực tế, đồng bộ, hoàn thiện trong các quy định của pháp luật.

Với mong muốn góp phần nhỏ bé của mình vào việc khắc phục những hạn chế, khó khăn vướng mắc của pháp luật phá sản ở nước ta hiện nay, luận văn đã nghiên cứu một cách toàn diện về thủ tục thanh lý tài sản phá sản. Thông qua những nghiên cứu trong luận văn, tác giả mong muốn với những đề xuất giải pháp của tác giả có thể đưa Luật phá sản và các văn bản hướng dẫn được triển khai một cách hiệu quả trên thực tế. Tuy nhiên, do điều kiện và thời gian nghiên cứu còn hạn chế, tác giả còn nhiều vấn đề chưa đi sâu nghiên cứu. Tác giả rất mong nhận được sự trao đổi, nhận xét để luận văn hoàn thiện hơn nữa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Ngọc Anh (2014), *Pháp luật về giải thể doanh nghiệp ở Việt Nam- Thực trạng và hướng hoàn thiện*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.
2. Nguyễn Kim Anh (2004), *Thực trạng phá sản doanh nghiệp và giải pháp hoàn thiện pháp luật về phá sản doanh nghiệp ở Việt Nam*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương.
3. Đồng Ngọc Ba (2005), *Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc hoàn thiện pháp luật về doanh nghiệp ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.
4. Bộ luật Dân sự năm 1995.
5. Bộ luật Dân sự năm 2005.
6. Bộ Tư pháp (2002), *Đánh giá thực trạng thực hiện nghiên cứu, phân tích để khuyến nghị hoàn thiện Luật Phá sản doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan*, Báo cáo phúc trình, chủ nhiệm đề tài TS Dương Đăng Huệ.
7. Bộ Tư pháp (2008), *Thực trạng pháp luật về phá sản và việc hoàn thiện môi trường pháp luật kinh doanh tại Việt Nam*, Trung tâm Tư vấn pháp luật và bồi dưỡng nghiệp vụ, Dự án GTZ.
8. Ngô Huy Cương (2014), *Bảo vệ quan hệ pháp luật phá sản bằng luật hình sự*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, Viện nghiên cứu lập pháp.
9. Bùi Ngọc Cường (2004), *Một số vấn đề về quyền tự do kinh doanh trong pháp luật kinh tế hiện hành ở Việt Nam*, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004.
10. Nguyễn Kim Chi (2005), *Xử lý tài sản của doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản theo Luật Phá Sản năm 2004*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.

11. Nguyễn Ngọc Dao (1994), *Luật phá sản doanh nghiệp, một công cụ hữu hiệu để ổn định tình hình kinh tế và lành mạnh hóa môi trường kinh doanh*, Tạp chí Thông tin lý luận.
12. Lê Đăng Doanh (1994), *Luật phá sản doanh nghiệp, một tiến bộ quan trọng trong tạo lập khuôn khổ pháp lý cho cơ chế thị trường*, Tạp chí Công nghiệp nhẹ.
13. Nguyễn Thị Dung và cộng sự (2014), *Hướng dẫn môn học Luật thương mại* (tập 1), Nhà xuất bản Lao động, 2014.
14. Nguyễn Thị Dung và cộng sự (2012), *Hỏi đáp Luật Thương mại*, Nhà xuất bản Chính trị- Hành chính, 2012.
15. Phan Thị Thu Hà (2010), *Tìm hiểu pháp luật phá sản trên thế giới*, chuyên đề của Tòa án nhân dân tối cao.
16. Trương Hồng Hải (2004), *Luật Phá sản doanh nghiệp Việt nam dưới góc độ luật so sánh và phương hướng hoàn thiện*, Luận án tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.
17. Trần Kim Hào và Nguyễn Kim Anh (1996), *Một số vấn đề lý luận về phá sản*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung Ương.
18. Trần Khắc Hoàng (2002), *Một số vấn đề về thực tiễn phá sản doanh nghiệp*, chuyên đề của Tòa án nhân dân tối cao.
19. Nguyễn Tấn Hôn (1995), *Phá sản doanh nghiệp – Một số vấn đề thực tiễn*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội 1995.
20. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam năm 1980.
21. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam năm 1992.
22. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam năm 2013.
23. Nguyễn Tấn Hôn (1995), *Phá sản doanh nghiệp- Một số vấn đề thực tiễn*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội 1995

24. Dương Đăng Huệ, *Địa vị pháp lý của các chủ thể tham gia giải quyết phá sản theo Luật Phá sản*, Tạp chí Tòa án nhân dân, số chuyên đề.
25. Dương Đăng Huệ & Nguyễn Minh Mẫn, *Giáo trình Luật Kinh tế*, Trường Đại học Luật Hà Nội, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2000,
26. Lê Văn Hùng (2011), *Quản lý phân chia tài sản phá sản theo pháp luật phá sản ở Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Học viện Khoa học Xã Hội.
27. Hội đồng phổ biến, giáo dục pháp luật trung ương, *Đặc san tuyên truyền pháp luật, số 9/2014*.
28. Bùi Nguyên Khánh (1994), *Pháp luật về phá sản doanh nghiệp trong Luật kinh tế Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
29. Khoa Luật, Đại học quốc gia Hà Nội, *Giáo trình Luật kinh tế (tập 1: Luật Doanh nghiệp)*, Nhà xuất bản Đại học quốc gia, Hà Nội, 2006.
30. Luật Doanh nghiệp năm 2005.
31. Luật Doanh nghiệp năm 2014.
32. Luật Đất đai năm 2003.
33. Luật Đất đai năm 2013.
34. Luật Phá sản doanh nghiệp năm 1993.
35. Luật Phá sản 2004.
36. Luật Phá sản 2014.
37. Luật Thi hành án dân sự năm 2008.
38. Luật Thi hành án dân sự năm 2014.
39. Nghị định số 22/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 16/02/2015 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phá sản về Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản.
40. Nghị định số 62/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18/07/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thi hành án dân sự.

41. Nghị định số 96/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 19/10/2015 quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh Nghiệp.

42. Nghị định số 462/VBHN-BTP ngày 22/02/2016 của Bộ Tư pháp quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.

43. Nghị quyết số 03/2016/NĐ-HĐTP ngày 26/8/2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật phá sản.

44. Dương Kim Thế Nguyên (2015), Thủ tục phá sản các tổ chức tín dụng theo pháp luật Việt Nam, Luận án tiến sĩ Luật học, trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh.

45. Phạm Duy Nghĩa (2015), *Giáo trình Luật kinh tế*, Nhà xuất bản Công an nhân dân, 2015

46. Nguyễn Như Phát (đồng tác giả), *Luật kinh tế Việt Nam*, NXB chính trị quốc gia 2002.

47. Lê Thế Phúc (2010), *Tìm hiểu các quy định của Luật Phá sản 2004 về tài sản, nghĩa vụ về tài sản, các biện pháp bảo toàn tài sản, hội nghị chủ nợ và một số kiến nghị*, chuyên đề của Tòa án nhân dân tối cao.

48. Trần Minh Sơn, *Luật phá sản có tiếp tục phá sản*, Vụ Pháp luật dân sự, kinh tế - Bộ Tư pháp, Báo Thương mại Luật Việt ngày 01/6/2007.

49. Trương Nhật Quang (2016), *Pháp luật về doanh nghiệp, các vấn đề pháp lý cơ bản*, Nhà xuất bản Dân trí, 2016

50. Tạp chí Tòa án nhân dân (2004), Chuyên đề về Luật Phá sản, Hà Nội.

51. Thông tư số 01/2015/TT-CA ngày 08/10/2015 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định về quy chế làm việc của các tổ thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ việc phá sản.

52. Phạm Văn Thiệu (2004), *Định giá tài sản trong việc giải quyết các vụ án hình sự, dân sự, kinh tế*, Tạp chí Tòa án nhân dân số 5.

53. Phạm Xuân Thọ (2006), *Giải quyết phá sản tại Thành phố Hồ Chí Minh. Thực trạng, vướng mắc và kiến nghị*, Hội thảo về Luật Phá sản những vướng mắc và giải pháp khắc phục, thành phố Hồ Chí Minh.

54. Đỗ Thị Kim Tiên (2014), *Pháp luật về quyền bình đẳng giữa các doanh nghiệp ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.

55. Tòa án nhân dân tối cao (2013), Báo cáo tổng kết thi hành Luật Phá sản 2004. Báo cáo số 44/BC-TANDTC ngày 09/9/2013.

56. Tòa án nhân dân tối cao (2017), Tài liệu triển khai công tác năm 2017 của ngành tòa án nhân dân.

57. Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật Thương mại* (tập 1 và tập 2), Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội 2006.

58. Nguyễn Huy Trung (2014), *Nghĩa vụ về tài sản của doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản theo pháp luật Việt Nam*, luận văn thạc sĩ Luật học, Học viện khoa học xã hội.

59. Từ điển Luật học (2006), Viện khoa học pháp lý- Bộ Tư pháp, Nhà xuất bản Từ điển bách khoa- Nhà xuất bản Tư pháp.

60. Nguyễn Viết Tý (2003), *Hoàn thiện pháp luật kinh tế trong điều kiện có Bộ luật Dân sự*, Luận văn tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.

61. Vũ Thị Hồng Vân (2008), *Quản lý và xử lý tài sản phá sản theo quy định của pháp luật phá sản Việt Nam*, Luận án Luật học, Khoa Luật- Đại học quốc gia Hà Nội.
62. Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, *Báo cáo số 653-STP-STP ngày 16/02/2016*.
63. John W.Ames (2007), *Làm gì khi đối tác phá sản*, Thời báo kinh tế Việt Nam ngày 08/5/2007.
64. Joseph Schumpeter (2000), *Lịch sử những học thuyết kinh tế - Phát triển kinh tế và khủng hoảng kinh tế*, Nhà xuất bản Thống kê, 2000.
65. Kosugi (2001), *Luật phá sản Nhật Bản*, Tài liệu Hội thảo về Luật Phá sản theo Dự án của JICA.